

# TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

## QUYỂN 6

### CHƯƠNG II - PHẦN 2: GIẢI NGHĨA

(Trong phần hai của Chương II, Chánh truyện có 21 vị, phụ có 16 vị)

1/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Siêu, Đại Tăng Chánh chùa Nam Giản đời Nam Lương.

2/- Truyện Sa-môn Trí Giả Thích Tuệ Ước, Quốc Sư chùa Thảo Đường thời Nam Lương

3/- Truyện Sa-môn Thích Đàm Loan trụ chùa Huyền Trung ở động Thạch Bích thuộc Hà Tây, thời Đông Ngụy.

4/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Thiều trụ chùa Long Uyên ở Thục Quận, thời Nam Lương

5/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Kiểu trụ chùa Gia Tường ở Cối Kê, thời Nam Lương

6/- Truyện Sa-môn Thích Đạo Biện ở Lạc Dương, thời Nguyên Ngụy.(Đàm Vĩnh, Vong Danh)

7/- Truyện Sa-môn Thích Đạo Đăng trụ chùa Báo Đức ở Hằng Châu, thời Bắc Ngụy

8/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Mật trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô, thời Nam Lương

9/- Truyện Sa-môn Thích Đàm Chuẩn trụ chùa Tương cung ở Dương Đô, thời Nam Lương (Trí Tâm)

10/- Truyện Sa-môn Thích Đạo Siêu trụ chùa Linh Cơ ở Dương Đô, thời Nam Lương (Tuệ An)

11/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Kiểu trụ chùa Long Quang ở Dương Đô, thời Nam Lương (Tuệ Sinh, Tăng Chính, Bảo Uyên, Tuệ Tế, Tuệ Thiệu)

12/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Khai trụ chùa Bình Thành ở Dương Đô, thời Nam Lương (Đàm Tuấn, Tuệ Văn)

13/- Truyện Sa-môn Thích Minh Triệt trụ chùa Kiến Sơ ở Dương Đô, thời Nam Lương

14/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Khai trụ chùa Tây ở Dư Hàng thời Nam Lương

15/- Truyện Sa-môn Thích Đạo Tông trụ chùa Ngõa Quan ở Dương Đô, thời Nam Lương (Pháp Sưởng)

16/- Truyện Sa-môn Thích Pháp Trinh trụ chùa Quảng Đức ở Lạc Hạ, thời Bắc Ngụy (Tăng Kiến, Tuệ Thông, Đạo Tịch)

17/- Truyện Sa-môn Thích Bảo Uyên trụ chùa La Thiên cung ở Ích Châu, thời Nam Lương (Pháp Văn, Pháp Độ, Pháp Hộ, Bốn Quyết).

18/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Tuân trụ chùa Trì Thành ở Dương Đô, thời Nam Lương (Đạo Toại, Đạo Tiêu)

19/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Siêu trụ chùa Linh Căn ở Dương Đô, thời Nam Lương

20/- Truyện Sa-môn Thích Chân Ngọc trụ chùa Thiên Bình ở Ng-  
hiệp Trung, thời Bắc Tề

21/- Truyện Sa-môn Thích Tăng Thiên, Đại Tăng Chánh ở Kinh châu, thời Hậu Lương.

***1/- Truyện Sa-môn Thích Tuệ Siêu; Đại Tăng Chánh ở chùa Nam Giản.***

Thích Tuệ Siêu, họ Liêm, người ở xứ Bình Dương, thuộc Quận Triệu. Lúc ở Trung Nguyên bị loạn lạc, gia đình Sư lánh nạn nên dời đến ở huyện Triệu Kha thuộc Chung Ly. Đêm mới sinh Sư có ánh sáng Thân soi chiếu khắp phòng nhà, còn bé mà Sư đã sống đơn giản ít muốn, đã có điềm tướng thành người.

Năm tám tuổi, Sư xuất gia, nương Sa-môn Tuệ Thông chùa Kiến An ở huyện Lâm Truy. Ngài Tuệ Thông vốn không có nghiệp thuật, chỉ lập hạnh chất phác. Sư chỉ giữ tâm ngay thẳng thuận theo vâng kính không biếng trễ, ngoài thì lắng nghe các Pháp sư giảng dạy, trong chuyên tinh học nghiệp. Bấy giờ, gặp lúc mưa gió khó khăn, đường xá lầy lội nghẽn tắt, Sư chẳng vì thế mà từ nan. Thường ngụ tại tòa có một vị Phạm Tăng, bởi người không thể lường biết được nên vừa trông thấy. Liền ngợi khen Sư một cách lạ lùng rằng: “Người này (Tuệ Siêu) nếu chẳng làm bậc tài giỏi của năm chúng đệ tử Phật thì sẽ làm Thứ sử trong tám châu!” Gần với điềm phát ánh sáng thần lúc mới sinh thật là khế hợp. Sư bèn tìm tòi nghiên cứu các bộ kinh cho đến Số luận, thấy đều thấu suốt nghĩa lý sâu mâu, sáng tỏ như râu chuỗi có nhiều hạt.

Các bậc danh tăng ưu thắng nhóm họp rất đông khắp tòa. Sư lẳng xăng nếp phục, ung dung theo khuôn phép, nên sớm vì các hàng tăng tục mà đúc nắn khuôn phép cao đẹp.

Sau, Sư vân du theo hướng Nam, đến Giang tả, dừng ở chùa Nam Giản. Sa-môn Tăng Tông trông thấy lấy làm vui thích, thọ nhận các kinh Lược Bàn v.v.. khai giá điều tự, lược thông đến chỗ sâu mầu. Ngài tham duyệt qua các Pháp sư, có lăm chỗ tham cứu liên quan, nhưng Sư chỉ lấy Kinh Vô Lượng Thọ làm gia nghiệp. Lại Bộ Tạ có khen ngợi Sư rằng: “Người này thật đáng bậc Quân tử!” Sư lại khéo sử dụng bài hài (lối hát phường chèo), rất có kỹ năng về lối chữ Thảo, chữ Lệ, kiêm tập rành Chu hứa, lại giỏi việc xem tướng.

Từ khi trang sử nhà Tề xếp lại, Nhà Nam Lương bắt đầu lên ngôi (năm trăm lẻ hai). Sư thị hiện bị bệnh ở Tân lâm, tình còn muốn cứu vớt chúng sinh đắm chìm, khoảng thời gian tín thứ, tiếng tăm Sư vang vọng khắp nơi. Bỗng nhiên có biệt sắc mới trao Sư chức Tăng Chánh. Sư trong tu giới đức, Sư oai nghi sáng sạch. Các hàng tăng chúng đều vâng thọ dạy răn. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban cấp truyền Chiếu, Xe Dê Cục túc Kiện bộ y phục v.v... cúng dường Sư. Từ lúc Thanh giáo tỏa khắp, năm bộ hiến chương đều ảnh hưởng phong hóa, Vua lấy nghĩa Bát-nhã làm chỗ y cứ của Chân Đế, riêng bảo Sư mở mang dẫn dắt, dò hỏi chất vấn, Sư bèn sắc biện giải như dòng chảy. Sư lại nhóm họp đồ chúng, giảng nghĩa tâm Bồ-đề. Những lúc rảnh rỗi bàn luận đến nửa đêm chưa nghỉ. Bỗng nhiên Sư thấy vị thiện thần có sức lực mạnh mẽ, thân tướng rất cao đẹp, nói với Sư rằng: “Sẽ nhóm họp những người cùng duyên cùng đến hưởng thọ!” Chẳng nói rõ tên tuổi, và ngay lúc ấy liền cáo từ. Đến sáng sớm, Sư lên giảng đường chợt trông thấy khắp tòa đều là những dung mạo xinh đẹp khác lạ, chẳng có ai biết. Đến lúc giảng xong thì tan. Sư có các gốc tích cảm kích khác lạ như thế.

Thêm nữa, tánh Sư rất ưa thích chốn núi non rất u tĩnh, tiếng tăm vang xa đến vài dặm. Người ở trong núi lấy làm lạ trông nhìn thì chỉ thấy thân Sư. Những người sống nghề săn bắn thủy đều bỏ nghề.

Vào niên hiệu Thiên giám (năm trăm lẻ hai-năm trăm hai mươi) thời Nam Lương, Vua Võ Đế thỉnh Sư làm Gia tăng, lễ hỏi rất đặc biệt. Ban đầu, giới điểm mới đến Đông Độ (Trung Hoa), người mỗi tự truyền thọ nên sự nhận biết có sự thiên chấp. Pháp mầu còn hữu lậu. Khi Vua Võ Đế lên ngôi bèn thêm cứu các kinh. Viên đàn lại tạo văn nghĩa dẫn dắt. Các sự loại nhân quả từ đó được ghi chép sáng tỏ. Vua có ban chiếu bảo Sư thọ giới Bồ-tát. Sư bèn cung kính đảnh lễ đúng như Pháp

mà siêng năng tu tập. Vua Võ Đế lại thiết trai ở Tuyên thất, mộng thấy Sư siêng năng hành trì giới phẩm, đích thân vua ra mắt khen ngợi mừng vui. Bấy giờ, cùng thỉnh mời tốt đẹp, mà Sư bảo nhún nhường giấu lễ ưa thích tính lặng dốc lòng chăm học. Theo Sư đến các nơi, chưa từng tỏ dáng vẻ vui buồn. Thêm nữa, thân Sư cao hơn tám thước, eo mang mười vi, ung dung cao bước, tiếng tăm vang vọng đương thời. Vua Võ Đế lại thỉnh Sư đến điện Tuệ Luân giảng Kinh Tịnh Danh, Vua đích thân đến nghe. Sau cùng mở tại chùa Trang Nghiêm, vườn nối liền với chùa Nam Giải, nhân đó xây dựng nhiều lớp phòng, như lân đuổi kịp nhau. Gác cao to lớn, tuôn rải mây móc, đào thông ao ngọc bích để trồng sen nuôi cá, đắp tạo núi xanh để cho các loài chim nường ở. Bày trồng tre trúc cây trái khắp bốn phía tỏa bóng râm, cây chim đá thú giao nhau ngang dọc ra vào. Lại liệt bày trẻ nhỏ đứng hầu, xinh đẹp hơn Vương Hầu, phân quyết các tình. Bấy giờ, tiếng tăm Sư vang xa, Sư ở đó hơn hai mươi năm. Về sau, vì Lãng cốc cùng đổi dời, tướng đời khó nường cậy. Do đó, Sư tự mở khỏi, đóng cửa dưỡng tánh.

Đến ngày mười sáu tháng năm niên hiệu Phổ Thông thứ bảy (năm trăm hai mươi sáu), Sư thị tịch tại phòng Sư ở. Đường đi rơi lệ, người học đua nhau tìm đến. Mọi Tất cả mọi việc trong lễ tang đều xuất từ Thiên phủ. Môn nhân Đệ tử nghĩ tưởng ân đức đượm nhuần, bèn cùng nhau xây dựng văn bia. Tương Đông Vương Dịch, Trần Quận Tạ Cơ Khanh mỗi người đều soạn lời văn nơi tháp mộ thờ Sư.

### ***2/- Truyện ngài Thích Tuệ Ước ở chùa Thảo Đường.***

Thích Tuệ Ước, tự là Đức Tố, họ Lưu, người ở xứ Ô Tràng thuộc Đông Dương. Đời ông nội Sư nối liền với Đông Nam Quán tộc. Có người chiêm đoán phần mộ ấy mà bảo rằng: “Đời sau sẽ có người tu hành khổ hạnh đặc đạo, làm nơi quy hướng của các vị Đế Vương!” Mẹ của Sư họ Lưu, mộng thấy một người cao lớn cầm pho tượng bằng vàng trao cho Sư và bảo nuốt, lại thấy ánh sáng màu tím nhiều quanh thân, nhân đó mà mang thai Sư. Bèn cảm thấy tinh thần sáng khoái, tư lý tỏ ngộ. Đến lúc sinh Sư, có ánh sáng mùi hương tỏa khắp, thân hình Sư trắng như tuyết. Người đương thời nhân đó đặt tên Sư là Linh Sán. Sư có phong cách đơn giản, thần chí yên tĩnh, bất động.

Đến tuổi phải bụi, Sư khác những đứa trẻ thường, chỉ nhóm cát làm tháp Phật, chất đá làm tòa cao. Năm bảy tuổi, Sư bèn cầu xin vào học, và liền đọc tụng Hiếu Kinh luận ngữ. Cho đến các bộ sử truyện, mở văn liền thấy ý. Ở phía Nam nhà Sư có vườn cây trái, những đứa trẻ

ở gần đua nhau tìm hái nên thường xảy ra tai nạn. Sư bèn xả bỏ những trái cây mà mình có được, chỉ phải tay không mà trở về. Dân chúng trong xóm sống bằng nghề tư lăm. Sư thường có tâm buồn thương, do đó mà không chịu mặc các thứ tơ lụa. Sư có người chú ruột ưa thích sống với nghề săn bắn, Sư cố chuyển hóa mà chẳng đổi nghề. Sư thường than rằng: “Tất cả các loài vật bay chạy cách người rất xa, nhưng ham sống sợ chết, tình cảm ấy đâu khác nhau!” Ngài dứt bỏ không ăn các vật máu thịt tanh nồng. Người chú của Sư bèn lánh đến ở làng khác tiếp tục việc săn bắn. Bỗng mộng thấy một người sứ mặc áo đỏ, tay nắm mâu Kịch, bảo rằng: “Ông suốt ngày giết hại sinh mạng, được Bồ-tát giáo hóa mà chẳng chịu bỏ nghề.” Bèn bắt đến chết, tới lúc tỉnh dậy khắp mình toát mồ hôi. Sáng hôm sau bèn hủy bỏ các dụng cụ săn bắn, sửa đổi lỗi lầm khi xưa. Sư lại đến nơi chú Sư thường săn bắn, thấy có vài con Hươu nai nhảy nhót chạy theo Sư như tỏ vẻ cảm tạ.

Tại chỗ Sư ở nhỏ hẹp, phía trái không thấy chùa, gia đình Sư vốn theo đạo Hoàng Lão, chưa từng nghe tới Phật pháp. Mà Sư đã sớm tập minh cảm, có tâm lìa tục. Bỗng gặp một vị tăng, Sư bèn hỏi về chí giáo. Vị tăng ấy bèn đưa tay chỉ về hướng Đông mà bảo rằng: “Trong đất Diệm, Phật sự rất hưng thịnh!” Liền đó không còn thấy vị tăng ấy, Sư mới biết đó là vị thần. Năm mười hai tuổi, Sư mới tìm đến đất Điện, đánh lễ khắp các tháp miếu, phóng ý rảo cùng núi sông. Xa gặp được Tổ tâm, Sư thường nghiên tâm về kinh điển. Nên tại Đông Cảnh (đất Diệm) có lời đồn rằng: “Với tuổi thiếu thời mà khéo thấu đạt lý mầu, ấy là Cư sĩ họ Lô!”

Đến niên hiệu Thái Thủy thứ tư (bốn trăm sáu mươi tám) thời Tiền Tống, Sư đến chùa Đông Sơn ở Thượng Ngô, từ giã cha mẹ xuống tóc xuất gia, lúc đó, Sư mười bảy tuổi. Sư kính thờ sa-môn Tuệ Tĩnh chùa Nam Lâm. Ngài Tuệ Tĩnh đứng đầu trong các vị tăng vọng thời Tiền Tống. Luật hạnh đều giữ gìn. Là nơi trọng vọng của Đặc tấn ngạn Diên niên Tư Không Hà Thượng Chi. Sư theo thầy Tuệ Tĩnh trụ chùa Phạm Cư ở đất Diệm, Sư siêng năng hầu hạ được hơn bốn năm. Đến lúc ngài Tuệ Tĩnh thị tịch, Sư hết lòng giữ lễ chịu tang. Sau khi mãn tang, Sư bèn bỏ ăn cơm cháo, chỉ dùng bột cây thông củ truật, dứt hết tật bệnh, kéo dài tuổi thọ, rất có thành ích. Tề cánh Lăng Vương đang trấn giữ tại Võ Đột, nghe Đạo phong đức hạnh của Sư cũng ngợi khen chúc tụng. Bấy giờ, có các Sa-môn Thích Trí Tú, Thích Đàm Tiêm, Thích Tuệ Thứ, v.v.. đều là những bậc danh trọng ở đương thời, đều nhóm họp nơi vương tọa, còn Sư đã đến sau, lại tuổi tác chưa lớn, mà Cảnh

Lăng Vương cũng hết lòng tận kính. Mọi người đều có tâm tỏ vẻ chẳng vui. Tánh Lăng Vương nói rằng: “Thượng nhân (tức chỉ ngài Tuệ ước) đây mới là bậc Lãnh tụ trong họ Thích. Há ngày nay mà tiếp đãi bình thường ư?” Nên Sư tuy trẻ tuổi mà được mến quý tên sùng ưu đãi hơn đến như thế. Tề Trung Thư Lạng Nhữ Nam Chu Ngung làm Diệm Linh, rất tôn trọng kính phục đạo tố nên đến bên cạnh pháp tịch mà làm lễ. Ở nơi Quán xưa của Lôì Thứ Tông ở Chung Sơn, xây dựng chùa Thảo Đường, cũng lấy hiệu là Sơn Tỳ. Sư đến trông coi sóc việc chùa. Chùa ấy kết Vũ sơn tiêu xung quanh mát mẻ. Tuy ấp ở chẳng xa mà tiêu điều ngoài vật, đã âm thầm tưởng thưởng sự chân thành, cho nên suốt đời mường gá. Chu ngung khen ngợi rằng: “Sơn Tỳ mà Ngài Tuệ ước đến thì thanh vắng trọn đời!” Tề Thái Tế Văn giản Công Trữ Uyên, Thái Uy Văn Hiến Công Vương Kiệm giúp mạng một thời mà công cao trăm đời. Khâm phục Đạo phong, thường mùi vị Đạo mà cùng mở mang Pháp giáo. Trữ Uyên thường thỉnh Sư giảng các Kinh Tịnh Danh, Thắng-man, Vương Kiệm cũng thỉnh Sư mở giảng các Kinh Pháp Hoa, Đại Phẩm. Trữ Uyên bị bệnh ngủ ngày, thấy vị Phạm tăng bảo rằng: “Bồ-tát đang đến, sau đó có Đạo nhân cùng đến”. Trong giây lát thì Sư đến và bèn tự nhiên lành bệnh. Trữ Uyên liền cầu thỉnh xin thọ năm giới.

Tề Cấp Sự Trung Lôù Ấu Du; thưở thiếu thời có tộc tổ học thuật với Sư. Mỗi lúc thấy Sư liền hướng về các lễ, có người hỏi rằng: “Vị này là người thuộc hàng dưới trong giòng tộc. Sao ông lại cung kính như thế?” Lôù Ấu Du đáp rằng: “Bồ-tát xuất thế là bậc thầy khắp Thiên hạ, đâu chỉ lão phu kính lễ mà thôi!” Người đương thời không ai hiểu được ý chỉ ấy, chỉ có Vương Văn Hiến rất hiểu.

Vã lại, tâm hiếu hạnh của Sư thâm thông minh cảm, nghĩ trở về rất nhanh mà cha mẹ của Sư đã qua đời. Sư như đứa trẻ nhỏ khóc, chẳng sánh như người đời. Sư dừng ở tại quê hương một thời gian để mở mang Từ đạo. Sau, Sư lại đến thành đô, trụ chùa Thảo Đường. Thiếu Phó Thẩm Ước, với chức Long Xương Trung ngoại nhậm dẫn Sư cùng đi. Tại quận chỉ lấy sự tĩnh lặng tự vui, thiền trọng làm thú. Có mùi hương thơm khác lạ bay vào phòng thất, thú dữ dần dần thuần thực đi quanh. Sư thường vào núi Kim Hoa lượm hái củi khô, hoặc dừng bên khe suối thông đở thưởng ngoạn. Bấy giờ, gặp Túc hỏa chột thuộc Thần quang, khuôn phép khác thường chẳng nghĩ, nên lược qua việc ấy. Có Đạo Sĩ Định Đức Tĩnh ở tại Quán bỗng nhiên bị chết, truyền rằng đó là do Sơn tính làm hại mới cần có Đại trị cúng rượu ở đó. Yêu quái vẫn còn đông đảo. Trường Sơn Lệnh Từ Bá Siêu lập nghi thỉnh Sư dời đến ở, chưa

được mười ngày mà mọi thứ thần kỳ đều dứt mất. sau, đang lúc nằm nghỉ ban ngày, Sư thấy có hai người nữ mặc áo xanh từ khe suối đi ra đánh lễ sám hối rằng: “Chúng con vì nghiệp chướng xưa trước sâu nặng nên đọa làm loài Thủy tinh ở đây, đêm ngày gây ra phiền não. Nay cầu xin ngài trao cho giới pháp!” Từ đó, các thứ tai quái đều dứt bật. Mãi đến lúc Thấm Ước thôi việc tại quận, cùng dẫn Sư ra thành đô trở về ở chùa cũ (chùa Thảo Đường) mọi sự cung cầu lễ kính càng lớn hơn. Văn Chương qua lại nối nhau, vì Thấm ước rất thanh từ tảo, tài giỏi ở đương thời. Đến Quan tới chức đồng như ở Phủ Xá, dẫn ý qua lại không hề vì cửa son mà ngăn cách. Vào niên hiệu Kiến Võ (bốn trăm chín mươi bốn-bốn trăm chín mươi tám) thời Nam Tề. Sư nói cùng Thấm ước rằng: “Ngày trước, bần đạo vì hai Ông Trữ Uyên và Vương Kiệt cúng dường nên bèn ở tỉnh của lệnh bộc. Đàn việt vì đó sẽ lại nhập địa!”

Đến niên hiệu Thiên Giám thứ nhất (năm trăm lẻ hai) thời Nam Lương, Thấm Ước làm Thượng Thư Bộc Xạ, có khả sắc mời vào tỉnh trụ. Được mười một năm, đến Đan dương duẩn, không sao khen ngợi, có sinh than thở Sư báo rằng: “Đàn việt phước báo đã hết, bần đạo chưa được diệt độ!” Nói năng ngôn từ ý chỉ rất thương xót. Không bao lâu Thấm ước qua đời, nên Sư dự kế chưa vậy, nên đều đồng như thế. Thế rồi, Sư lưu tâm các Kinh Phướng đẳng, nghiên cứu tinh nghĩa trong chín Bộ, đều chứa nhóm trong rương hòm, ôm ấp trong lòng ngực, nói bày mở mang, đáng nhân chẳng nhường. Khó nhọc cấp dẫn, ích lợi chúng sinh. Hoàng Đế kỳ điều Văn Phác, tin đạo Vô vi, phát tâm Bồ-đề. Xây dựng Điện Trùng Vân. Về giới nghiệp tinh vi công đức sâu rộng. Đã là gốc của muôn điều lành, thật cũng là đứng đầu các hạnh. Thí như biển cả, lớn trong của trăm sông, Núi Tu-di là tối cao trong các núi. Ba quả bốn Hương duyên theo đó mà thành. Mười lực ba minh nhân đó mà lập. Vua (Võ Đế) bèn góp nhặt rộng sâu khắp các kinh giáo, soạn lập giới phẩm, Điều Chương nêu hết, nghi thức đủ bày. Chế tạo viên đàn để làm sáng tỏ Quả Cực. Vả lại, Đế Hoàng có thầy Thần, Đại Thánh có thầy bạn. Từ xưa đến nay, Đạo ấy không hề suy phế. Thần Nông, Hiên Viên, Chu Khổng đề cao nhân nghĩa. Huống gì Lý vượt ngoài trời người, Nghĩa Siêu quá danh khí. Vua cho rằng Sư đức cao hơn người đời, đạo thấy khắp u hiển. Đáng nên suy tôn địa vị Xà-lê, chúc tụng hiệu đáng là Trí Giả. Sư thù thục thói nhường, tình còn cố chấp, Vua ân cần khuyên thỉnh, nên Sư khước từ không được. Niên hiệu Thiên giám thứ mười một (năm trăm mười hai) Vua Võ Đế bèn ban sắc dẫn kiến. Sự hợp với tâm hoài mong, Đạo vẫn còn với mục đích. Từ đó, Sư tới lui

nơi cấm tỉnh, Vua lễ kính cúng dường ưu trọng.

Đến ngày mồng tám tháng tư năm Kỷ Hợi, nhằm niên hiệu Thiên giám thứ mười tám (Nếu năm Kỷ Hợi thì là bốn trăm năm mươi chín – tức niên hiệu Thiên giám thứ tám, còn niên hiệu Thiên Giám mười tám thì phải là năm Kỷ Dậu bốn trăm sáu mươi chín mới đúng). Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) phát tâm Bồ-đề, thọ giới Bồ-tát Sư mới đến điện Đăng Giác, giáng điều ngọc liễn, rất tôn của muôn thờ, bày kính ở tại Tam, tạm lấp suy phục, cung kính thọ y phước điền, tuyên độ Tịnh nghi. Vua rất kính cẩn trang nghiêm. Bấy giờ, nhật nguyệt trong lành xinh đẹp, đất trời mở rộng sáng trong. Vua đại xá khắp thiên hạ, khắp nước nhà cùng mừng vui. Từ đó, Sư vào thiết riêng, Vua làm lễ trước, sau mới đến ngồi. Từ Hoàng Trữ trở xuống cho đến Vương Cơ, các hàng Đạo tục sĩ thứ đều mong độ thoát. Đệ tử có ghi chép của Sư có đến tám mươi bốn ngàn vị. thường những lúc Sư truyền giới, có một con chim càn thước, lần lượt theo từng thêm bậc mà nhảy lên, dáng vẻ như muốn thọ giới. Mãi đến lúc Sư thuyết giới xong, sau đó chim mới bay đi. Lại thường những lúc Sư thuật giới, có hai con chim công tìm đến, ruồng đuổi vẫn không đi, Sư bèn bảo để cho nó đến. Nó từ từ đi đến chỗ đàn, ngoảnh cổ nghe pháp. Vua Võ Đế bảo: hai con chim này chắc chắn muốn diệt độ, sẽ thọ quả báo khác!” Sư ngợi khen sự chí thành của chim, nên lại nói pháp cho nó nghe. Sau đó vài ngày, hai con chim tự nhiên đều chết.

Lại nữa, lúc đầu Sư trao truyền giới, ban đêm nằm mộng thấy từ chùa Thảo Đường trải lụa trắng đến đài Môn, tự ngài trên giường thiên cách đất khoảng mấy trượng, có trời người vây quanh, Sư nói pháp cho chúng nghe. Do việc ấy mà rõ đồng với mộng đến Hoa Tư của vua Hoàng Đế, như thần thông lên cung trời Đâu-suất của Ngài Mục-Kiều-Liên. Mọi sự đi ở của các bậc chí nhân, ai có thể bàn luận được? Sư ưa thích vui sống nhàn tĩnh, hoa tốt lành, thất rỗng rang. Bên cạnh chùa nương gá đều sinh Từ Đạo nên khiến các loài hươu nai, quây quần cùng với cọp beo, chim Cưu, Chim Vụ, thuần quen với chim ưng, chim chiên. Bay chạy nhảy núp tự cùng thuần thực. Nếu chẳng phải đức nhân đượm nhuần hóa thì ai có thể được như vậy ư?

Sau, Sư đang tĩnh cư nơi nhàn thất, bỗng có một Bà lão người miền quê mang mấy quyển sách đặt trên án kính của Sư, không nói gì mà đi ra, rồi mang đến một cây khác lạ trồng ở sân, nói đó là cây Thanh Đình. Sư bảo: “Sách ấy có tốt chăng? Đợi ta xem đọc, nếu nó không được tốt thì cũng chẳng nhọc xem. Qua bảy ngày sau, lại thấy một ông lão đến thỉnh sách mà đi. Cây ấy lá xanh, hoa hồng, đài hoa vẫn còn. Sư



lại ứng cảm có loài chim lạ, thân màu đỏ, đuôi dài, hình dáng như Phi Thúy, cùng đến nương tựa ngủ nghỉ nơi lầu, vào ra nơi cây ấỵ.

Đến niên hiệu Đại Thông thứ tư (năm trăm ba mươi hai) Sư mộng thấy ngôi nhà cũ vách tường màu trắng, cửa màu đỏ, ngời sáng tráng lệ tự nhiên. Sư bèn phát nguyện xây dựng chùa. Vua Võ Đế ban chiếu gọi đó là Bồn sinh. Đến niên hiệu Đại Đồng thứ nhất (năm trăm ba mươi lăm), Vua Võ Đế lại ban sắc chiếu đổi tên làng Sư ở là làng Trúc sơn thành làng Trí Giả. Tấn Vân cự nhượng truyền phương đồ điệp. Núi sông linh dị, đổi thay khác lạ. Đất phước làng tiên tự nhiên thành lập mà Sư chỉ ăn dùng bột củ tùng củ truat hơn ba mươi năm, dùng vải gai xấu may áo mặc hơn bảy mươi năm, Minh Khiêm lập tiết tháo, chuyên cao vọng ở đương thời.

Đến tháng tám niên hiệu Đại Đồng thứ nhất (năm trăm ba mươi lăm), Sư bảo người đốn chặt cây cành ngoài cửa, và bảo là “Kiệu giá sẽ đến, chớ để tắt nghẽn đường đi”, mọi người chưa lường biết được việc gì. Tới ngày mồng sáu tháng chín, Sư thị hiện bị bệnh, xoay đầu về hướng Bắc, nằm nghiêng về phía hông bên phải. Thần thức Sư vẫn điềm nhiên, không hề tỏ vẻ đau khổ. Sư bảo với đệ tử rằng: “Ta mộng thấy bốn Bộ Đại chúng cầm nắm phướn hoa, sắp bày giữa hư không đến đón rước ta, cưỡi mây mà đi, phước báo ta đã sắp hết!” Đến ngày mười sáu, Vua Võ Đế ban sắc sai xá nhân Từ nghiêm đến thăm bệnh Sư. Sư bảo: “Đêm nay ta sẽ đi!” Đến canh năm, Sư lại nói hai lần, có mùi thơm lạ thoảng khắp phòng nhà, mọi người chung quanh đều cung kính. Sư bèn bảo rằng: “Hễ sống thì có chết, ấy là số thường, phải siêng năng tu tập niệm tuệ, chớ khởi loạn tưởng!” Nói xong, Sư bèn chấp tay nhập Niết-bàn, thọ tám mươi bốn tuổi, sáu mươi ba hạ lạc. Vua Võ Đế đến viếng điệu buồn thương than khóc. Các hàng quan liêu, tể phụ thôi nghỉ xem nghe, trong hai tuần có một. Đến ngày hai mươi chín tháng chín, an táng ở phía bên trái tháp mộ của Thần Tăng Bảo Chí tại núi Độc Long.

Lúc đầu, khi Sư mới thị hiện Bệnh, thấy một ông lão chống gậy đi vào, và ngày thị tịch Chư tăng đều đoán là sườn núi phía Đông của chùa. Vua Võ Đế bèn đổi an táng tại Độc Long, nghĩ về ông lão thấy trước thì đó là Chí Công cùng đến đón rước! Đến đêm Sư thị tịch, con trâu xanh thường cưỡi”. Bỗng nhiên gào rống tuôn lệ thành dòng. Đến ngày an táng, Vua Võ Đế ban sắc dẫn theo bộ ngũ phát xuất từ chùa đến núi, nó gào rống tuôn lệ chẳng dứt. Lại nữa, lúc mới xây tháp, có con hạc trắng bay đến nhiều quanh nơi phần mộ, rơi lệ kêu thương vang

tiếng buồn thảm. Sau khi an táng được ba ngày, nó chợt bay đi thẳng. Vua Võ Đế ban sắc dựng lập Bia phía bên trái tháp mộ, ban chiếu cho Vương Quân soạn văn bia.

**3/- Truyện ngài Thích Đàm Loan trụ chùa Huyền Trung ở động Thạch Bích.**

Thích Đàm Loan, không rõ Sư họ gì, Người ở xứ Nhạn Môn, gia đình Sư ở gần núi Ngũ Đài. Sư có Thần tích linh quái, vượt cả sự thấy nghe của người đương thời, bấy giờ chưa là Chí học, Sư bèn đến tìm, đi trông xem khắp các di tích, tâm thần Sư bèn vui vẻ, liền đó xuất gia. Với các thứ kinh sách nội ngoại giáo điển, Sư đều tới luyện đầy đủ văn lý. Đối với bốn bộ luận về Phật tánh, cũng là chỗ nghiên cứu đến cùng. Sư đọc Kinh Đại Tập, buồn vì kinh ấy văn từ nghĩa lý sâu mầu khó lấy làm tỏ ngộ. Nhân đó, Sư chú giải, văn ngôn được hơn nửa bộ, thì bị bệnh khí, Sư tạm dừng bút, rảo đi khắp nơi tìm cầu phương thuốc để trị liệu. Sư đi đến thành cũ Tần Lăng ở Phân Châu, vào cửa phía đông thành, ngửa mặt nhìn trời xanh, bỗng thấy cửa trời mở rộng sáu tầng trời cõi Dục giai vị trên dưới chập chồng, rõ ràng Sư trông thấy cả, do đó bệnh lành. Sư muốn tiếp tục làm công việc trước. Song, ngoái nhìn lại mà nói rằng: “Mạng sống thật mỏng manh chẳng nhất định được thường còn, bản thảo các kinh đều nói rõ về con đường đúng. Những bậc thần tiên tuổi lớn luôn luôn xuất hiện, chỗ tâm nguyện là chỉ tu tập pháp ấy. Khi đã gặt hái thành quả mới trở lại tôn kính Phật giáo, ấy cũng chẳng tốt lành ư?” Sư kế thừa phương thuật mà Đào Ẩn Cư ở Giang Nam quy kết truyền bá rộng khắp Thiệm-bộ, cả nước đều tôn sùng kính trọng, Sư bèn đến học theo.

Khi đã đến triều Lương, bấy giờ khoảng niên hiệu Đại Thông (năm trăm hai mươi bảy-năm trăm hai mươi chín), Sư được gọi bằng tên chung là “Lỗ Tăng Đàm Loan ở nước Bắc nên đến vâng phụng tham yết.” Khi đó, quan sở ty nghi ngờ là gián điệp, bèn khám xét, không thấy có văn từ gì khác, nên đem sự việc ấy tấu trình. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) bảo: “Người ấy (tức chỉ Đàm Loan) chẳng phải dòm ngó nước nhà, hãy dẫn vào điện Trùng Vân.” Sư bèn theo Thiên Mê Đạo. Lúc đầu Vua Võ Đế ở nơi góc điện ngồi trên giường dây, mặc áo ca-sa, quấn khăn nạp. Sư đến trước điện, ngoái nhìn mà không người vâng thừa đối tiếp. Thấy có bày một tòa cao, Sư bèn lên ngồi yên trên ghế chánh ở trong điện, bên cạnh không có tòa nào khác, Sư đến và lên đó, dựng lập nghĩa Phật tánh, ba lần bảo vua rằng: “Đại Đàn Việt! Nghĩa Phật tánh sâu mầu,

lược đã nêu bày đầu mối. Nếu có gì thắc mắc cứ hỏi.” Vua Võ Đế cởi bỏ áo nạp, bèn thưa hỏi qua lại vài điểm then chốt, nhân đó nói rằng: “Từ bây giờ đến xế chiều phải gặp nhau.” Sư liền từ tòa bước xuống, ra thẳng phía trước, cật Khúc trùng đạp hơn hai mươi cửa mà không một cửa nào lằm. Vua Võ Đế rất mực ngợi khen rằng: “Thiên mê Đạo này, từ thời cũ đến, qua lại nghi trở. Vì sao một lần đến thì không mê!” Sáng hôm sau, dẫn Sư vào điện Thái Cực. Vua Võ Đế bước xuống thêm mà lễ tiếp, hỏi về nguyên do. Sư đáp: “Muốn học Phật Pháp, chỉ buồn nỗi tuổi thọ bị sút, nên từ xa tìm đến Đào Ẩn Cư cầu học các tiên thuật.” Vua Võ Đế bảo: “Đó là người ngạo đời trốn ẩn, đã từng vờ gọi mà chẳng đến. Ông phải chịu trách nhiệm đến đó.” Sư bèn tìm đưa thư đến thăm hỏi. Đào Ẩn Cư bèn đáp rằng: “Tháng trước tai nghe âm thanh, giờ đây mắt trông thấy văn tự, cùng do đã đảnh lễ nhiều năm, nên khiến ứng chân lai nghi.” Ngay lúc ấy chính phát Đăng bồ, bày đủ hoa nước, sửa cổ áo, thúc liễm nghĩ suy, đứng đợi lắng nghe tiếng rung tích trượng. Đến lúc tới núi thì tiếp đối mừng vui. Bèn đem mười quyển kinh tiên để thù đáp ý xa. Khi trở về đến Chiết Giang, có Thần Bào Lang Tử, mỗi lần quấy động sóng gió suốt bảy ngày mới ngưng. Gặp lúc sóng vừa mới dậy nên không thể nào qua được, Sư bèn đến chỗ miếu, tự tình bày tỏ cầu cáo, nếu được như sự mong cầu thì sẽ về xây dựng ngôi miếu. Chỉ trong khoảnh khắc, thần liền hiện hình, dáng vẻ như người mới hai mươi tuổi, đến bảo với Sư rằng: “Nếu muốn qua sông thì sáng mai mới qua được! Xin chớ nuốt lời. “Tới lúc sáng sớm, sóng gió đang còn dữ dội. Sư vừa mới bước xuống thuyền tự nhiên yên tĩnh. Sư y theo sự mong cầu, về đến chỗ Vua, nói lại nguyên do. Vua Võ Đế bèn ban sắc vì Thần sông mà xây dựng lại linh miếu.

Nhân đó, Sư từ giả, trở về lại đất Ngụy, muốn đến các danh sơn, y theo phương thuốc mà tu trị, vừa đi đến Lạc Hạ, bỗng gặp Trung Quốc Tam tạng Bồ-Đề-Lưu-Chi. Sư bèn hỏi rằng: “Trong Phật Pháp có pháp sống lâu không chết hơn kinh tiên ở phương này hay chăng?” Ngài Bồ-Đề-Lưu-Chi nhỏ nước dãi xuống đất mà bảo rằng: “Ông nói gì ư? Làm sao so sánh được. Ở đây hay nơi nào mà có pháp sống lâu không chết? Giả sử như có được sống lâu dài hay chết trong ngắn ngủi, ruốt cuộc cũng chưa thoát khỏi luân hồi trong ba cõi!” Và liền trao Quán Kinh (Kinh Quán Vô lượng thọ) cho Sư mà bảo rằng: “Đây là phương thuốc Đại tiên. Y theo đó mà tu hành sẽ được giải thoát sinh tử.” Sư liền đảnh lễ mà nhận lấy. Các phương thuốc tiên đang mang theo, Sư đều đem đốt bỏ hết. Rồi Sư tự thực hành, chỉ dạy người khác thực hành, lưu truyền

cùng khắp. Ngụy Chúa kính trọng Sư nên gọi Sư là Thần loan. Và ban sắc mời Sư trụ ngôi chùa lớn ở Tinh Châu. Sau, Sư lại đến trụ chùa Huyền Trung ở động Thạch Bích thuộc núi phía bắc của Phân Châu. Bấy giờ, Sư lại đến phía bắc của Giới Sơn, nhóm họp đồ chúng hưởng về đạo nghiệp. Nay gọi chỗ đó là “Loan Công Nham” (ngọn núi Ngài Đàm Loan).

Đến niên hiệu Hưng Hòa thứ tư (năm trăm bốn mươi hai) thời Đông Ngụy, vì bị bệnh nên Sư thị tịch tại chùa núi Bình Diêu, thọ sáu mươi bảy tuổi. Đến ngày Sư thị tịch, có các thứ phước hoa cờ lọng cao sáng khắp viện vũ, mùi hương xông ngát, lấm âm thanh ồn náo. Mọi người cùng dự ở núi đều trông thấy. Đem việc ấy tấu trình lên triều đình. Vua Hiếu Tĩnh Đế (Nguyên Thiện Hiện) ban sắc an táng tại Thái Lăng Văn Cốc ở phía Tây Phân châu. Xây dựng tháp gạch và dựng lập bia, đến nay hiện còn. Nhưng, Sư có thần vũ cao xa, cơ biến vô phương, Sư nói năng chẳng nghĩ ngại, động hợp với sự. Sư điều tâm luyện khí, đối bệnh biết duyên. Tiếng tăm vang xa khắp Ngụy độ, dùng đó làm phương thức khuôn phép. Nhân đó, Sư có soạn luận Điều khí. Lại soạn Vương Thiệu, tùy văn mà chú giải. Sư lại soạn mười hai bài kệ tụng Lễ sám Tịnh Độ tiếp tục sau kệ tụng của Ngài Long Thọ. Sư lại soạn An lạc tập, hai quyển v.v.. lưu hành khắp ở đời. Bèn tự lấy hiệu là Ngụy Huyền giản Đại Sĩ, v.v..

#### ***4/- Truyện ngài Thích Tuệ Thiệu trụ chùa Long Uyên ở Thục Quận.***

Thích Tuệ Thiệu, họ Trần, vốn là con cháu của Thái Khâu ở Dĩnh Xuyên. Nhân lánh nạn nên đến ở Điền Lý của Đan Dương. Tánh Sư điềm nhiên rộng rang, ít ham thích, trầm lắng nghiêm nghị mà ít nói. Thửở bé, Sư sớm mất cả cha mẹ nên nương tựa người anh để sống. Ngài rất mực kính mến bạn bè, có tiếng khắp xóm làng.

Năm mười hai tuổi, nhằm chán thế tục, Sư bèn xuất gia. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đến Kinh Dương, nghe sa-môn Tăng Mân trụ chùa Trang Nghiêm giảng Luận Thành Thật. Vừa mới được hai biến mà ngài ghi chú gần hết. Sư nói với bạn đồng học là Sư Tuệ Phong rằng: “Tôi vừa gọi mình trong đạo mới ít ngày mà nhận biết được chỉ thú. Ấy là vì sao? Vì e chẳng phải những điều đã nghe có ý nghĩa cạn hay là khéo dạy mà khiến như vậy ư?” Sư bèn thử đến nghe pháp sư Trí Tạng ở chùa Khai Thiện giảng dạy, bèn cảm thấy nghĩa lý ngôn từ huyền diệu nên liền tận tâm kính ngưỡng. Đang đêm ngủ, Sư cảm mộng đến chùa Khai

Thiện hái vài hộc mận muốn lấy ăn thì trước được cành lá. Lúc tỉnh giấc, Sư tỏ ngộ rằng: “Ta chánh nên theo học sẽ dẫm đạp được chỗ rất sâu.” sau đó, Ngài Trí Tạng thị tịch, có Xước công (Đạo Xước?) ở chùa Long Quang nổi gót truyền nghiệp, Sư bèn trở lại đó nghe học. Đã thiếu bản luận, mà quy chế lại chẳng cho ở. Sư chỉ có một tấm chăn lại gấp lúc trời đông giá lạnh, bèn ném bỏ sung vào việc chếp luận. Chịu lạnh đến cứng miệng, mới được dự nghe văn nghĩa. Sư lại khéo xem đọc, sáng tỏ cao trội vượt cả chúng. Sư biện giải Diệt Đế là bổn hữu, dùng thô tế mà chiết bỏ tâm. Bấy giờ xuyên tạc cho là có Thần tư.

Vua Võ Lăng đời Lương ra trốn ở Dong Thục, nghe ở nơi đó có nhiều người tham dự Nghĩa học, thì phải những bậc tài đức cao xa mới có thể khai mở tuyên dương. Mọi người bàn luận tiến cử đều chẳng hợp ý. Vua Võ Lăng bảo rằng: “Nhớ Pháp tập năm trước. Có Pháp Sư Tuệ Thiều mới có thể làm được việc chọn lựa này. Nếu được cùng đi, thể chấn khởi được biên phục”. Bèn tìm đến đất Thục. Ở các chùa, Sư giảng luận khai đạo như nước chảy. Sư đang ở chùa Long Uyên giảng nói sắp xong, thì ngồi tĩnh tọa trong phòng, thấy một vị thần mặc áo xanh, vận mũ phục đến kính lễ, thưa với Sư rằng: “Nguyện xin Pháp sư thường ở tại đây mà mở mang đạo Pháp. Con sẽ ủng hộ giữ gìn!” Nói xong liền biến mất. Sư bèn lên Pháp tịch mấy lần, Thanh ngộ phiền kết. Xưa kia, khi đang ở tại Dương Đô, Sư thường khổ vì Bệnh khí, luôn luôn lo nghĩ, đến lúc Sư giảng tại đất Thục thì mọi bệnh tật đều dứt trừ. Các hàng thức giả cho đó là sự hộ trì của vị thần ở nơi chùa. Bấy giờ, Pháp tịch ở Thành Đô thường có đặt ba, bốn chiếc trống Pháp, luôn đưa nhau gióng nổi, tỏ rõ nơi Huyền môn. Sư nghe đồ chúng đông đúc chẳng lấy đó làm lớn. Sư lại dẫn chúng tụng kinh Niết-bàn, Đại Phẩm. Mỗi người một quyển, hợp lại thành Bộ. Hằng năm, mấy lần nhóm họp theo thứ lớp mà tụng. Nếu có người sai quên hay nghe giảng mà ngủ gục thì Sư đều thay thế chịu phạt. Sư đối trước chúng mà hỏi tạ rằng: “Đó là do người chỉ dạy dẫn dắt không sáng suốt!” Nên tự thân Sư giúp vật, ân cần đến như thế.

Võ Lăng Vương bố chính ở đất Thục thường giảng các Luận Đại thừa cho đến ba Tạng v.v.. các sa-môn Bảo Thoán, Bảo Cai, Trí Không v.v.. đều đến sau như phong tục, tham dự tuyển tập, khắc quyển đã thành. Võ Lăng Vương ban tặng cho người học. Võ Lăng Vương từng thỉnh Sư trông coi Tăng Đô. Sư tha thiết khước từ nhưng chẳng được. Tánh Sư chẳng ưa nường cây, tuy các nơi quý trọng thỉnh giảng, gặp lúc mưa sinh, Sư bèn tự chuẩn bị roi trượng, đội nón mang giày cỏ mà đến pháp

hội. Từ thuở thiếu thời mà Sư đã ăn uống thanh trai, chẳng hề dùng đến các vật ngon lạ. Sau, trong lúc bệnh, uống thuốc có lẫn mỡ, Sư cố cự tuyệt chẳng uống, lúc phi thời nước cơm Sư cũng không hề uống. Người săn sóc bệnh, nhìn thấy Sư nhan sắc vẫn vui vẻ. Sư lễ bái trì tụng chẳng bỏ. Đến lúc suy kém lắm, Sư mới bảo: “Nay tôi không chỗ nào chẳng đau nhức như chiếc xe hư hoại đi đường, thường muốn dẹp bỏ, nhưng chỉ tự gắng gượng. Tôi chỉ tiếc chỗ tạo dựng tôn tượng mà chưa đến được. Tôi sắp đi đây!” Sư căn dặn các hàng tăng tục, nhờ trang nghiêm dùm. Sư bèn bảo tắm gội, cạo đầu, cắt móng tay, súc miệng, lễ bái. Sư ngồi trong Ma-ha, đường ở chùa Long Uyên, lặng lẽ thị tịch, thọ năm mươi bốn tuổi. Lúc đó là ngày mồng ba tháng bảy niên hiệu Thiên giám thứ bảy (năm trăm lẻ tám) thời Nam Lương.

Bấy giờ, có người dân ở thành đô, tên là Ứng thí Phong, vì bệnh khí mà chết giấc, nhưng chỗ quả tim vẫn còn ấm nóng, năm ngày sau mới tỉnh lại, kể rằng: “Bị bắt đến chỗ Diêm Vương, nghe xử phân rằng” đón rước Pháp Sư Tuệ Thiệu”. Chỉ chốc lát, Sư liền đến, Diêm Vương bước xuống điện, chấp tay đánh lễ, không hề nói năng gì, chỉ viết chữ “Đại Chính”. Sư bèn đi ra ngoài, ngồi dưới bóng cây bên cạnh thiên đường rộng lớn thấy có một Tiểu đồng dùng cái sọt bằng Tất-liêu bưng y ca-sa đi đến thỉnh Sư đắp mặc. Có mấy mươi vị tăng đến đón rước Sư. Trong đó, ứng thí Phong chỉ biết hai vị Thiên Sư Trí và Từ, có hoa phướn bày khắp khắp đường, cùng bay bổng giữa hư không mà đi”. Lại, ngay trong đêm đó Sư thị tịch, có Cô Ni ở chùa An Phố, mắc bệnh chết giấc rất lâu, sau khi tỉnh lại kể rằng: “Đưa Pháp Sư Tuệ Thiệu và năm trăm vị tăng lên thêm thang bảy báu, đến trong giảng đường điện Thiên Cung, đất ở đó trong suốt như thủy tinh, giường chiếu toàn hoa, cũng có kỷ án. Hoa sen mọc khắp đất, Sư đến chỗ tòa mà giảng nói. Chỉ trong thời gian ngắn bèn đứng dậy. Những người theo đưa tiễn, Sư bảo về.” Sự sinh diệt của Sư âm thầm tốt lành cảm được thấy như thế.

#### ***5/- Truyện ngài Thích Tuệ Kiêu trụ chùa Gia Tường ở Cối Kê.***

Thích Tuệ Kiêu, không biết Sư họ gì. Sư người xứ Thượng Ngô thuộc Cối Kê. Sư học thông nội ngoại giáo điển, giảng dạy thông suốt các kinh luận. Sư trụ tại chùa Gia Tường. Mùa xuân mùa Hạ, Sư hoằng pháp, mùa thu mùa đông thì Sư soạn sách. Sư soạn kinh Niết-bàn Nghĩa Sở, mười quyển. Và Phạm Võng Kinh Sở lưu hành ở đời. Lại về Xướng Công soạn tập Danh tăng có rất nhiều nổi chìm, do đó, Sư bèn mở bày thành rộng. Sư soạn “Cao Tăng Truyện”, mười bốn quyển. Trong lời

tự, có lược ghi rằng: “Các tác giả trước kia, hoặc là đem nhiều rộng cất giảm các việc, mà cất giấu vết tích có rất nhiều điều bị cất xén. Nghĩa là người xuất gia ở nước Tân Vương chẳng nên gắng gỏi nhưng tự cao xa, vùi chôn riêng tuyệt, sau đó từ Vinh bỏ ái vốn vì khác tục làm bậc Hiền giả. Nếu vậy mà chẳng luận thì cuối cùng làm sao ghi chép.” Lại có đoạn viết rằng: “Các tác phẩm đời trước, phần nhiều đề là Danh tăng. Nhưng danh vốn là khách chẳng thật. Nếu thật hành thì dần sáng tỏ, cao mà chẳng có danh. Nếu ít Đức mà đến thời, thì có Danh mà chẳng cao, Danh mà chẳng cao vốn chẳng phải điều được ghi chép. Cao mà chẳng danh thì đầy đủ các lực ngày nay. Nên bỏ âm Danh thay cho chữ Cao. Truyền thành truyện cả nước”. Thật đáng là khuôn phép sáng soi, văn nghĩa rõ ràng, tức là chỗ tôn quý sùng trọng của đời! Không biết về sau Sư tịch ở đâu. Ở Giang Biểu có nhiều Bù Tử Dã Cao Tăng Truyện một bộ mười quyển. Văn rất dón gọn, chưa xem xét kỹ cho nên bị sai thiếu.

#### ***6/- Truyện ngài Thích Đạo Biện ở Lạc Dương.***

Thích Đạo Biện, họ Điền, người ở xứ Phạm Dương. Có Biệt Ký ghi là Sư mặc áo nạp, cầm tích tượng đi vào thai mẹ, nhân đó mà sinh ra Sư. Sư bẩm tánh sáng suốt, tài thuật cao vượt người đời. Tuy nói là tai điếc, nhưng lúc đối đáp với Vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạc Hoành bốn trăm bảy mươi mốt-năm trăm) thời Nguyên Ngụy, chẳng hề sai trái Đế Chỉ. Do đó mà Vinh hoa tốt đẹp, xa gần đều kính trọng. Sư phân định tà chánh, mở giải bế tắc, đó là sở trường.

Ban đầu, Sư ở tại Bắc Đài, sau theo hướng Nam, dời đến Hà Lạc ở Đạo Quang. Ở nước Ngụy có bộ kinh tên là “Đại Pháp Tôn Vương” hơn tám mươi quyển, đang truyền bá hưng thịnh ở đời. Sư cầm lấy đọc xem biết là hư ngụy, bèn góp nhặt đem đốt. Sư rắp muốn rộng chú giải các kinh, dùng thông sách Phật, nhưng bút vừa đặt trên giá, thì có con chim đến ngậm lấy bay đi. Sư thấy điềm hiện khác lạ ấy bèn thôi nghỉ việc ấy, mà chỉ chú giải được các Kinh Duy-ma, Thắng-man, Kim Cương Bát-nhã, Tiểu Thừa Nghĩa Chương sáu quyển, Đại Thừa nghĩa Ngũ thập chương và trình bày Huyền Chiếu v.v.. lưu hành ở đời.

Ngài có hai người đệ tử là Đàm Vĩnh và Vong Danh. Ngài Đàm Vĩnh ngâm ở ẩn tự giữ, ẩn tại núi Hoàng Long, trước soạn Sưu Thần Luận, Ẩn Sĩ Nghi Thức. Ngài Vong Danh văn bút mạnh mẽ, cậy tài ngạo tục, bị thầy đánh nên dời đến ở núi Hoàng Long, ban đầu không có ý tưởng giận mà sớm tối vẫn lễ kính từ xa.

**7/- Truyện ngài Thích Đạo Đăng trụ chùa Báo Đức ở Hằng Châu.**

Thích Đạo Đăng, họ Nhuế, người ở xứ Đông Hoàn. Sư thông minh cảnh ngộ, rất khác người thường, rất có tín lực. Nghe ở Từ Châu có Sa-môn Tăng Dực thông hiểu kinh luận, Sư liền cấp roi trượng đến nương tựa, nghiên tằm cầu học các kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, Thắng-man. Sau, Sư theo sa-môn Tăng Uyên, thọ học Luận Cứu Thành.

Đến tuổi năm mươi, tiếng tăm Sư vang vọng khắp Ngụy đô, tại đất Bắc rất kính trọng, nhiều lần gửi thư đến thỉnh. Sư hỏi bạn đồng học là Ngài Pháp Độ rằng: “Việc mời thỉnh ấy có đáng đi chăng?” Pháp Độ đáp: “Xứ ấy người có Đạo học đông như rừng, các hàng Sư tượng có đến số trăm, đời nào mà không hành tàng, thời nào mà không thông bút. Hàm Linh mười phương đều nên độ thoát, đâu cho có lúc cùng tận, tại nước Nam cùng khuyến thực hành. như Ngài Tuệ Viễn phát áo mà ở Lô Sơn, Ngài Đàm Đế dứt vết ở Côn Sơn. Lưu Di Thị ở Bành thành từ bỏ mọi việc mà trở về nhà tịch. Đó đều tự là Nhất phương. Đâu cần gì tận mạng hư tưởng nơi núi hang, xa tìm Sào hứa? Dù cho như thế cũng chẳng bao giờ lia được căn cơ Tiểu Thừa, há là muốn cho người đối với ta trước nói chẳng ích lợi cho đời ư! Tùy phương mà đến cảm hóa, vì vật mà làm bến bờ, đó cũng chẳng lấy làm vui ư?” Sư bèn nhận lời thỉnh và Ngài Pháp Độ cũng tùy hỷ cùng đi, khi đến lạc dương, thì vua quan, Tăng Ni đều giữ lễ tiếp đãi khách. Ngụy Chúa thỉnh Sư, con cháu được trao vinh hiển chức tước, vì họ của Sư không đẹp lấp nên đổi chữ “Nhuế” thành “Nại”. Sư giảng thuyết rất thanh hành, bốn mùa chẳng ngưng nghỉ. Chưa đến Hằng Nhạc để dứt nghỉ đua tranh, người học truy tìm cùng theo, đến núi chẳng khỏi luận bàn, truyền trao. Sư bèn thị tịch tại chùa Báo Đức, thọ tám mươi lăm tuổi. Lúc đó nhằm niên hiệu Cảnh Minh (năm trăm-năm trăm lẻ bốn) thời Bắc Ngụy.

**8/- Truyện ngài Thích Tăng Mật trụ chùa Trang Nghiêm ở Dương Đô.**

Thích Tăng Mật, chưa rõ Sư họ gì. Sư người xứ Lạc An. Sư từng chưa có áo mà đã cạo tóc xuất gia. Tuy nhỏ mà Sư dễ tỏ ngộ, tỏ ngộ hơn người. Năm ngài mười sáu tuổi Bạn học đông như rừng. Sư lại cùng khai mở dẫn dắt, tiếng tăm vang cả xóm làng. Sư sắp muốn mở rộng sự thấy nghe mà không được thầy chấp thuận. Sư bèn ngấm trốn ra khỏi chùa, theo thọ học với Sa-môn Đạo Minh. Chỉ trong thời gian một vài năm mà tiếng tăm tốt đẹp đã vang khắp nơi.



Đầu niên hiệu Thái Thỉ (bốn trăm sáu mươi lăm) thời Tiền Tống. Sư vượt qua sông, đến trụ chùa Trang Nghiêm. Khí vọng Sư ngưng luyện, Phong Nghi cao nhã. Năm chúng đồng suy tôn, bảy quý cùng kính lạ, Sư lắng sâu rõ chánh, chẳng bị lợi hại làm chằng chịt tâm. Tuy là đồng ở trong chúng đồng mà không có ai lường biết tâm lượng Sư. Người đương thời dùng phương pháp gạt bỏ, rất cho là xác thực. Ở lâu tại phía Nam, đồ chúng đông nhiều không kinh nào Sư chẳng giảng. Chuyên lấy thành thật, sửa đổi lỗi lầm. Cao luận ít chỗ suy hạ. Các hàng hạ tài đối với việc chưa thể thường trọng, ngầm cùng nhau sàm tấu đến tai Lăng Cánh Vương. Sư chẳng phân bua trong đục, mặc tình họ viết tội, bèn khải tấu tẩn xuất Sư đến Hoài Nam. Các hàng học sĩ đi theo Sư hơn ba mươi người, Sư6 bèn giảng dạy giáo hóa họ.

Đến niên hiệu Thiên Giám thứ bốn (năm trăm lẻ năm) thời Nam Lương, Sư thị tịch tại Giang Bắc, thọ bảy mươi ba tuổi.

### ***9/-Truyện Ngài Thích Đàm Chuẩn trụ chùa Tương Cung ở Dương Đô.***

Thích Đàm Chuẩn, họ Hoàng, người ở xứ Thang Âm; thuộc Quận Ngụy. Sư xuất gia tại chùa Xương Dực Vương, theo Pháp sư Trí Đản thọ học. Sư nghiên cứu siêng năng, mọi người chẳng sánh bằng. Sư ở chốn nhàn tĩnh, vui hưởng vị Đạo, không có chí phong trần, giỏi về các Kinh Pháp Hoa, Niết-bàn, tiếng tăm vang đến Lạc Đô. Ngài nhàn cư suy tư, chẳng giao thiệp việc đời.

Ngài thừa tiếp Tề Cánh Lăng Vương rộng thỉnh mời các vị Thắng đạo, mở rộng việc giảng nói, nên bèn theo về hướng Nam, đến trụ chùa Tương Cung. nơi nơi tìm cầu nghe học, tùy từng Pháp tịch mà đàm luận. Tuy gặp phải đường sá hiểm trở nhưng Sư chưa từng có lời than thở nhọc mệt. Thứ Công ngợi khen Sư rằng: “Đây, Đạo nhân ở đất Bắc, chẳng những dung mạo khôi ngô mà còn hay khéo nói cười, xán lạn thoáng rộng, có khí độ. Còn như ngôn luận rất có chí tình!” Tề Lâm Xuyên Vương Tiêu Anh, Trường Sa Vương Tiêu Hoãng rất nồng hậu cùng kính trọng lễ tiếp. Hà Điểm ở Lô Giang, Lưu Hội ở Bành thành đều đến tận phòng, đánh lễ sát đất, tỏ bày cung kính. Những vị giảng dương tiếp nối thành tựu Đạo nghiệp của Sư có hơn hai trăm vị. Đến niên hiệu Thiên giám thứ mười bốn (năm trăm mười lăm) thời Nam Lương. Sư thị tịch, thọ bảy mươi bảy tuổi.

Bấy giờ, tại chùa Tương Cung lại có Tỷ-khưu Trí Thâm thông minh biết rộng, rất có công phu nghiên cứu suy tầm các kinh luận. Các

hàng Thiên tử vương hầu, phần nhiều giữ lễ tiếp đãi như khách. Tánh Sư ưa nói thẳng, không tìm tòi vụn vặt, thường dẫn đo mọi việc, không có bất bình, do vậy mà sự hoằng tuyên càng rộng lớn.

**10/-Truyện ngài Thích Đạo Siêu trụ chùa Linh cơ ở Dương Đô.**

Thích Đạo Siêu, họ Lục, người ở Quận Ngô, là con cháu sáu đời của Ngô thừa tướng Kính Phong. Ông nội Sư tên là Chiêu, làm Thượng Thư Kim Bộ, cha của Sư tên là Tuân làm Tấn Kỵ thị lang. Thưở thiếu thời, Sư do sự siêng năng dốc sức mà nổi tiếng. Cùng trong huyện có Ngài Tuệ An sớm hợp chảng nghịch, đều đi đến Thượng Kinh cùng nhau thỉnh nghiệp.

Bấy giờ, Sa-môn Tăng Mân ở chùa Linh Cơ, Sư gặp Ngài Tăng Mân đang giảng tại phương Đông, nhân cùng nghe Sa-môn Pháp Trân giảng Thành luận, đến Diệt Đế, ban đầu nghe ba tâm đều diệt, không có trước sau, Sư nói: “Lời nói sai lầm này chẳng phải là thầy ta vậy”. Sư thấy Ngài Tăng Mân mở suốt một phương, khắp cả nước đều đến thưa hỏi kính ngưỡng. Bỏ ngủ quên ăn từ tối đến sáng. Chỉ vì tánh riêng tháo nhụt chẳng đoái hoài công ít, nguyện mong đã lấm. Sư thường đánh vào vế mà than rằng: “Vì mày mỡ mịt nên các ngài Đạo Sinh, Tăng Triệu cười cho.” Lại nghe sa-môn Tăng Chính ở chùa Long Quang mới đến giảng nói, Sư bèn mạnh dạn than rằng: “Mới có thể không đầy bảy thước. Việc nào ở người sau!” Sư buồn bã bệnh tâm trải qua nhiều ngày bèn bỏ sự nghiệp. Nhân đó mà tự sám hối, nguyện cầu chư Phật, Bồ-tát xin che chở oai thần khiến được Tuệ ngộ như ngài Tăng Mân. Sự việc có ở truyện ngài Tăng Mân. Bèn siêng năng khổ chí, chỉ thời gian ngắn mà thấu suốt, suốt ngày vui vẻ riêng nói riêng cười. Sư thường nói “Châu báu vô giá, nay ta đã được!” Sư ung dung cao bước, cậy oai khí xem thường thế tục. Các hàng tăng tục đổi cách nhìn Danh giá ở đương thời. Đến lúc giảng nói, Sư giải chiết nghi phục, thường không để lại uẩn. Như lại vì khách, ý khí nhã phục, câu chớng đối lẫn nhau. Nếu gặp cơ địch, không gì Sư chẳng ứng đối.

Cũng ở trong chùa, có sa-môn Đạo Bí, tuổi tác đã lớn, cũng khéo hưởng học phương mà tánh lấm biếng lười, chưa thể tự khắc phục được, ngang tàn lẳng mạ người khác mà Sư cũng liếc ngang kêu réo om sòm, đó cũng chưa phải là nhiều vậy. Một hôm, ngài Đạo Bí nói với Sư rằng: “Ta và ông, ai hơn ai kém?” Sư bảo: “Nếu luận về tuổi tác, xin vì cùng cậy, lưỡng về tấm lòng thì không luận trước sau.” Bấy giờ, cho đó là nói thẳng. Từ lúc Sư ở riêng nơi phòng vắng, bắt dứt khách khứa. Nội ngoại

phần điển thường bưng bút trước gối mà tay chẳng rời quyển sách. Lại thêm bụi bặm đầy phòng nhà. Dế mèn kêu cùng vách. Trung Thư Lang Ngô Quận Trương Suất bảo với Sư rằng: “Trùng loại kêu réo om sòm cả tai, bụi đất lấp vùi tới đầu gối, đâu thể đối với đây mà không ngang ngược ư?” Sư đáp: “Lúc nghe các âm thanh ấy đủ để thay tiếng tiêu sáo. Bụi theo gió cuốn đến, ta chưa rảnh để quét. Còn như ngang ngược, danh thật là thẹn lắm.” Người đương thời cho đó là cao vời phóng đạt. Đến năm ba mươi sáu tuổi thì Sư thị tịch, lúc đó nhằm niên hiệu Thiên giám (năm trăm lẻ hai) thời Nam Lương.

Lại có Đạo Nhân Tuệ An cũng ở chùa Tương Cung, nghiên cứu tìm tòi sâu xa, phân tích chỗ sâu kín, rất có tinh lý. Năm ba mươi hai tuổi, Sư thị tịch tại chùa.

Lúc đó vì các ngài đều đang tuổi mạnh khoẻ mà thị tịch, nên Dương Liễu cũng đồng buồn thương.

### ***11/-Truyện ngài Thích Tăng Kiên trụ chùa Long Quang ở Dương Đô.***

Thích Tăng Kiên, họ Hoa, người ở xứ Đông Thiên, thuộc Ngô Hưng. Sư xuất gia tại chùa Long Quang, nghe Sa-môn Tăng Mân giảng dạy. Trước phải lập nghĩa, có các Đồng đệ, thì Sư quên cả ngủ nghỉ, chí muốn bầm thọt. Lại nghe giảng luận mà dần chuyển mạnh, thì vỗ tay nhiều lần ngợi khen, nghĩ cùng là đều.

Vào niên hiệu Long Xương (bốn trăm chín mươi bốn-bốn trăm chín mươi bốn) thời Nam Tề, các pháp diên dần giảm ít, sư bèn cùng các bạn Đạo như Sa-môn Tăng Chính, Bảo Uyên, Tuệ Tế, Tuệ Thiệu, v.v.. đồng cầu thỉnh Sư Tăng Mân dời chỗ ở. Từ đó suốt ngày liền nhất tâm thưa hỏi. Mền vải chống lạnh mùa đông, ít tương giúp thân, chút cháo dính miệng, rau lá đủ để dứt đói, mà không hề vì nghèo khổ đói lạnh mà biến đổi tiết tháo, chỉ tự chuyên cần cố gắng suốt ngày chẳng đủ. Nghiên cứu sâu sắc, lý ngộ sáng sâu. Trong vòng ba, bốn năm mà thông đạt các kinh luận. Sau, Ngài Tăng Mân trở về chùa Trang Nghiêm, có sa-môn Tuệ Anh ở chùa Long Quang hỏi rằng: “Các vị thiếu niên, Sư cùng dẫn theo đều đã thành khí. Trong thời gian qua mọi sự hơn kém có thể nghe biết được chăng?” Ngài Tăng Mân đáp rằng: “Ngài Tăng Kiên nho nhã thanh hư, dùng xưa đáp nay. Mở quyển văn nghĩa, luôn ưu du nơi giáo lý, móc sâu đến xa, khéo hay thù đáp. Nhưng vì nhún nhường mà chưa giảng, chẳng cùng tranh giành trước. Đó mới thật là chỗ đáng gời gắm Di Pháp! –Chính công siêng năng kinh luận,

thông suốt rành rỏi. Những người đồng nghiệp đều quý trọng tánh tình của ông – Uyên Công không gì chẳng là Thần minh, mà tâm tánh riêng nhanh nhẹn, trái với lễ độ. từ lâu theo Di Tập, không thể lường biết nơi ông ta được ít nhiều- Tế Công thần thức trong sáng, kinh vốn có công phu, Luận văn chưa thành thực. Vì ông ta thể suy, chẳng kham được khó khổ nên vậy. vả lại đối với nghĩa lý đủ để rõ Đạo. chí hạnh đủ để khuyên tục. Thiệu Công tánh tình biết lý, rất có chí hạnh. Nghèo khổ mà có lắm học chẳng được thưởng. Hưởng không phòng ngại, không lo sợ chẳng thành pháp khí tốt!”

Từ lúc Sư thành đạt sở học, chẳng sửa việc đời, chẳng cậy tiếng tăm, luôn đóng cửa ở nơi nhàn tĩnh, ngồi một mình không khách tạp. Ngài lắng lòng ngâm tở ngộ riêng thành đạt mà thôi. Năm ba mươi sáu tuổi, Sư thị tịch, lúc đó nhằm niên hiệu Thiên Giám (năm trăm lẻ hai) thời Nam Lương.

Ngài Tuệ Sinh vốn ở tại Tương Châu, học thông kinh số, từng lên Pháp tòa. Thuở thiếu thời nắm giữ tiết tháo cao vời, kính mến phong thái phép tắc của ngài An Thái. Sư mặc áo vải xấu, ăn rau trái trọn đời chẳng đổi thay. Rất giỏi các lối chữ thảo, chữ lệ. Ngài Tăng Chính ở tại Tương Dương, sau cùng đời đến Hạ Thủ. Sư hóa đạo rất thanh hành. Ngài Tuệ Tế là người ở xứ Phiêng ngưng, sau cùng trở về Lãnh Biểu. Đức hạnh Sư vang cùng Nam Việt. Văn nghĩa phong tuyên được truyền bá rộng khắp. Các Sư đều thị tịch trong khoảng niên hiệu Thiên Giám (năm trăm lẻ hai - năm trăm hai mươi) thời Nam Lương.

### ***12-Thích Tuệ Khai trụ chùa Bàn Thành ở Dương Đô.***

Thích Tuệ Khai, họ Viên, người ở xứ Hải Diêm thuộc Quận Ngô. Lúc đầu, Sư xuất gia làm Đệ tử sa-môn Pháp Sùng chùa Tuyên Võ, bèn theo thầy thọ học A-tỳ-đàm và Luận Thành Thật.

Trong khoảng niên hiệu Kiến Võ (bốn trăm chín mươi bốn – bốn trăm chín mươi tám) thời Nam Tề, Sư đến Thượng Kinh để cầu học, ở chùa Đạo Lâm, trải qua thời gian thọ học kinh luận với hai Sa-môn Tăng Mân và Trí Tạng, sau đó, Sư dời đến trụ chùa Bàn Thành. Sư học mà không thời gian ôn tập, chỉ nghe qua tai liền chẳng quên. Sư thường ưa thích rượu trà, đùa bỡn bài cờ tự vui. Nhưng gặp người tánh tình hấp tấp thì quyết không đối biện, người đời trên chiếu mà chậm chạp vẫn từ. Sau, bỗng nhiên Sư cắt đứt các thói quen trước, chuyên nghiên cứu Danh giáo, ở trong chúng giảng bày chỉ dạy, đều mừng mới nghe. Đến lúc Sư giải thích danh từ, phân tích nghĩa lý thì ứng biến khôn cùng. Tuy

gặp kẻ kinh địch khôn khéo luận đàm, song, ít ai bề gãy được sự bén nhạy của Sư. Nơi giảng tịch luôn bày cờ nên người học tìm đến. Bèn khiến tiếng tăm ngài vang xa khắp cùng, mọi người đều biết.

Trần Quận Tạ Tuệ nhã cũng khâm phục kính trọng, ra trấn thủ tại Dự Chương, thỉnh Sư giảng nói, cúng dường tưởng thưởng rất nồng hậu. Sư trở về chưa tới thành đô thì phân tán đã hết. Lưu Nghiệp ở Bàn Thành ra trấn thủ tại Tấn An, biết chỗ Sư ở thường không, do đó tặng Sư một muôn đồng tiền. Sư liền ban tặng cung cấp cho những người đói lạnh, chẳng trọn một ngày. Sư lập tánh rộng rang, không chứa để của cải, đều đồng loại như vậy, mà tánh Sư luôn sơ suất, chẳng để ý đến hình nghi: áo quần dơ bẩn, Sư không hề để ý tẩy giặt. Đồng bạn có người không chịu nổi, đều thay đó mà giặt giũ. Lạnh thì Sư mặc áo bông tơ đọi thành, nóng thì Sư ẩn nơi giường chiếu đến ấm nóng. Đến niên hiệu Thiên giám thứ sáu (năm trăm lẻ bảy) thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ ba mươi chín tuổi.

Cùng ở trong chùa Bàn Thành lại có Sa-môn Đàm Tuấn, cũng là người do sự cầu học mà danh tiếng. Ngài thông suốt các kinh lại siêng năng lễ tụng. Đạo phong vốn chỉ một khí khái, nóng lạnh cũng thực hành. Thị Trung Vương Tử Côn Quý, Tư Đồ Trưởng lại Giang Cách Hữu Vu đều kết bạn giao du với Sư.

### ***13/- Truyện ngài Thích Minh Triệt trụ chùa Kiến Sơ ở Dương Đô.***

Thích Minh Triết, họ Hạ, người ở xứ Tiền Đường thuộc Quận Ngô. Năm sáu tuổi, Sư chịu tang cha, bèn phát nguyện xuất gia, trụ chùa Vương Viên ở Thượng Ngu. Sư học không từ thầy bạn, chỉ tự tâm mà quyết đoán. Mỗi lúc thấy việc tốt, Sư đều lưu tâm xét kỹ. Sư gặp người khách đọc truyện Sa-môn Thích Đạo An, nói rằng: “Nghe Ngài Đạo An thưở nhỏ mồ côi cha mẹ, nhờ người Anh bà con bên ngoại nuôi dưỡng.” Sư bèn nghẹn ngào sụt sùi giây lâu mới hết. Ngày sau, Sư mượn truyện ấy để nghiên tâm, thấy được những sự tốt đẹp trong việc hoằng Pháp của Ngài Đạo An. Nhân đó, Sư vỗ gối than rằng: “Người sống ở đời, sao lại có thể chẳng như vậy ư?” Từ đó Sư chuyên tâm học Đạo, công phu chẳng bỏ luống qua. Sư thường cùng vài người bạn đồng học ở sau phòng thầy. Phòng ấy vốn đã quá cũ mục, bỗng gặp cơn gió thổi tốc vào nhà gần như muốn đổ sụp. Thầy đi chẳng có nhà, không cây vật chống đỡ, mọi người đều bỏ chạy. Sư vẫn tập nghiệp như cũ. Khổng Quảng ở Cối kê nghe như thế nên ngợi khen rằng: “Phong thái

trẻ nhỏ rất xinh đẹp, tương lai sẽ thành danh khí!” Người đương thời nhân việc ấy mà kính phục, Sư bèn nổi tiếng khắp Đông Việt.

Niên hiệu Vĩnh Minh thứ mười (bốn trăm chín mươi hai) thời Nam Tề, Cảnh Lăng Vương thỉnh Sa-môn Tăng Hựu, Tam Ngô giảng Luật. Giữa đường gặp nhau, tuy là tuổi tác cách nhau xa mà tình chẳng trái nghịch. Nhân đó, Sư theo ngài Tăng Hựu thọ học Luật Thập tụng, và cùng theo ra Dương Đô, trụ chùa Kiến Sơ. Sư tự cho rằng: “Luật là mực thước, là hiến chương, là nghi thể”. Nên bèn nghiên cứu cùng khắp cả bốn bộ, xét xem mọi sự hưng phế. Các bậc Luật sư thời bấy giờ biện giải chẳng ai có thể bẻ gãy được Sư.

Vào niên hiệu Kiến Võ (bốn trăm chín mươi bốn – bốn trăm chín mươi tám) thời Nam Tề, Sư lại chuyển sang cầu học kinh luận, trải qua thời gian tham cứu với các bậc thầy, nếm đủ các nghĩa lý sâu mầu, Sư bèn tôn xưng Pháp sư Tăng Mân là bậc nêu chánh kinh luận, khéo rõ thần cơ, bàn nghĩa thông suốt sâu kín, dễ khơi dậy sự thâm áo. Sư bèn theo Ngài Tăng Mân mà thành đạo nghiệp. Tề Thái Phó Tiêu Dĩnh Trụ rất khâm phục chúc tụng. Đến lúc ra trấn lãnh ở Kinh Châu, ông dẫn Sư đi khắp bảy đặm, thỉnh Sư đến Nội Để khai giảng Kinh Tịnh Danh. Thường ngày, đối với Văn cú các kinh, đã là chỗ nói ứng cơ. Hoặc gặp phải các chỗ quanh co sâu sắc, hoặc lại chỉ bó buộc nơi Văn tự, mà trước nay các bậc anh tài cự nhân mỗi người tự lưu tâm, sai lầm ngay ngày nay trông vào huyền tông này xa không phảng phất. Sư có tâm thẹn thùng xót xa sâu sắc. Người đương thời đều quý trọng sự nhường nhịn của Sư. Mãi đến lúc Tiêu Dĩnh Trụ qua đời, tặng riêng ngài chiếc ghế rất êm. Sư do Di mạng nên bị lưu lại, nhờ võ về để hết thọ mạng.

Đến đầu niên hiệu Thiên giám (năm trăm lẻ hai) thời Nam Lương, Sư mới trở lại Đô ấp, lại theo Ngài Tăng Mân mà thọ nghiệp. Mọi người lớn nhỏ đều cầu thỉnh, Sư thường vì đáp lại. Sư nghiên cứu rộng văn sâu, thấu suốt ý chỉ sâu kín, gốc rễ giao kết không bao giờ để ngưng trệ. Sư xa gieo trồng tiếng tăm, bày khuất nhiều lớp, chợt kinh chợt luận, bốn mùa không ngừng nghỉ. Những người nghe học, không nơi xa nào mà chẳng đến. Vua Võ Đế (Tiêu Diên) kính trọng tiếp đãi chẳng theo thứ lớp lớn danh. Sư vào nơi Nội điện, Gia Tăng cung phụng mọi vật theo từng năm chẳng sai lầm. Vua dùng luật để thấu suốt muôn hạnh, điều chương dồi dào rộng rãi, xin Sư nắm lấy giản yếu, cùng loại thì theo nhau.

Đến cuối niên hiệu Thiên Giám (520) Vua Võ Đế ban sắc mời Sư vào vườn Hoa Lâm, đến chỗ các Sa Môn Bảo Vân, Tăng Tĩnh, chuyên

ngiên cứu sao soạn. Sư cố khước từ mà chẳng khởi. Sư thường hầu Vua ngự diên, đối đáp nêu bày điều sâu kín. Hoàng Trữ thường tiếp đãi Sư luôn đặc biệt hơn lễ thường, đều khiến cả hai cung đều cúng dường rất ưu ái nồng hậu. Các bậc Danh bối đương thời đều nhờ ứng đối, chưa có ân tuệ đượm nhuần lớn lao như thế.

Sư nhóm họp xếp đặt sắp thành, bỗng nhiên bị bệnh trầm tích, nên từ điện Thọ Quang dời về chùa cũ. Vua Võ Đế đến gần tự tỏ bày vui vẻ, đích thân nói lời ấm áp an ủi. Vua biết sẽ không thể cứu nổi nên lui về mà rơi lệ. Trung sứ tham hầu sớm tối chẳng dứt. Sư tự nghĩ mình sắp chết nên dâng tấu khải văn để cáo từ. Lòng vua Võ Đế đầy rẫy nhớ nhung ở điện Vạn Thọ, khi đó các quan chức xu quý trong ngoài đồng một lúc xót thương, vì trình Biểu văn của Sư nên vậy, trong Biểu văn, Sư viết rằng: “Nhân Quả rất sáng tỏ nhân nép phục làm sao trốn tránh. Minh Triệt tôi tuy là Ngu đoản, nhục trông xem chí tịch. Lúc sắp lìa đời đâu còn Di lạm. Chỉ biết ân biết ái, nên vì nói cho nghe. Nhưng Triệt tôi vốn xuất thân từ Đông Hoang, là Dân thấp hèn mà thôi. Hơi có chút khéo biết, lại lạm ở trong cửa Phật, thời thiếu niên phóng khoáng, ràng buộc Huyền giác. Tuy chưa thể rõ Đạo, nhưng hơi được chút tánh lành, nên chuyển đến chẳng nghĩ. Gặp thời Hội xương, bèn gần gũi kính vâng ngự diên, nâng đỡ mở mang pháp tịch. Vừa có đức Nhân, vừa dẫn dạy, gọi đủ ân giúp. Thường nguyện buông duỗi kính một đơn thành, phụng vâng mở mang từ hóa, đâu để ý phước báo đã đến cùng, bèn quy kết về đất bụi. Kính ngưỡng luyến mến đức Thánh ở đời, sao có thể nói. Đặc biệt kích mong Bệ hạ trọn kiếp vĩnh trụ, ích lợi làm bóng mát không ngần mé, đầy đủ trang nghiêm đạo tràng, dẫn dắt mọi vật. Trời rũ khắp nước ngoài, đồng thành tịnh độ. Quả thắng trôi chảy xa, ung dung xa nhóm họp. Minh triệt tôi vì kính gặp, mừng khéo luận Đạo, thoát khỏi muôn đời trở lại sống còn đợi vâng hầu. Dù sống dù chết đều trông mong cứu giúp. Đến lúc sắp tận hoảng hốt như mộng. Tuy muốn bày tâm, tâm đâu chịu hết. Không cần nỗi sự thật của buồn thương, kính cần dâng biểu văn tấu trình để Bệ hạ cùng biết!” Vua Võ Đế lại ban sắc đáp xét tỉnh sơ thêm thắc mắc lo âu. Sắc viết: “Người đời ai không bệnh, cố sao vội chung biệt quá mau! Pháp Sư Chí tánh sáng bên, đạo hạnh thuần đủ. Qua lại cõi tịnh, đến miền An dưỡng. Mới trừ được bốn ma, Lý không có năm sợ. Chỉ ứng chánh niệm các Đức Phật, chẳng xả bỏ Đại nguyện, tương ứng với trí Bát-nhã, thẳng đến chứng trí, phát tâm Bồ-đề. Kia đây tiếp nối mới kết duyên lai sinh. Cung kính như người ngang bằng. Hạnh nghiệp Bồ-tát chẳng chỉ trăm ngàn năm. Khéo nghĩ

chí lý, chớ khởi loạn tưởng. Xem thủ bút mà buồn bã, chẳng còn lẩm lời....!” Vua Võ Đế nhân đó đến chùa thiết lập trai hội cúng dường ba trăm vị Tăng, khuyên bảo Sư sám hối. Tự vận thần bút soạn bài văn sám nguyện. Sự việc xong xuôi. Sư bèn thị tịch tại phòng ở chùa. Lúc đó nhằm ngày mồng bảy tháng mười hai niên hiệu Phổ Thông thứ ba (năm trăm hai mươi hai) thời Nam Lương. An táng tại phần mộ cũ ở chùa Định Lâm.

Vua Võ Đế sắc cấp Đông Viên Bí Khí. Mọi sự trong lễ tang bày biện đầy đủ. Chủ giả Giám hộ có sự sùng kính.

#### ***14/- Truyện ngài Thích Pháp Khai trụ chùa Tây ở Dư Hàng.***

Thích Pháp Khai, họ Du, người ở xứ Dư Hàng thuộc Ngô Hưng, Sư xuất gia từ thưở nhỏ tại chùa Bắc Thương, làm đệ tử sa môn Đàm Trinh. Ngài Đàm Trinh thanh bạch lắng nghiêm, rất có giải hạnh.

Thưở thiếu thời Sư rất thông minh, vì gia nghiệp khốn khó, do đó thân áo mặc không kín, ăn chỉ sơ sài thô sấp. Bạn đồng học của ngài như Tăng Lưu, Đàm Đản, gia đình có của cải nên ăn mặc xa hoa, nhưng đều theo ngài Đàm Trinh thọ học.

Thường có năm lao nhọc và tìm xét sâu xa đến kia mà chưa có ai sánh bằng Sư mà các vị Tăng Lưu, Đàm Đản tự ý mình giàu có nên rất khinh người. Sư chỉ có tâm vui vẻ, bèn mang sách đi về hướng Tây đi đến chùa Thiền Cương và nương tựa hai Pháp Sư Tăng Nhu, Tăng Thứ để học luận Thành Thật. Áo chẳng che kín thân, ăn chỉ giữ mạng sống. Mà Sư chẳng tránh được lạnh gió nắng mưa, hết đêm là ngày. Trải qua thời gian học nghiệp đã giỏi, tinh giải vô ngại. Suốt ngày đi giảng nói không hề tạm nghỉ. Tâm Sư bén nhạy, việc không có ích thì chẳng nghiên cứu. Có lúc Sư trộm nghĩ ngầm phát lên để cản ngăn chẳng đủ, đang cùng những kẻ bén nhọn ấy, ít người không cứng lưỡi. Do đó mà Sư nổi tiếng. Lại Bộ Thượng Thư Lang Da Vương Tuấn, Vĩnh Gia Thái thú Ngô Hưng Khâu Trì đều nhường kính suy tôn, thường cầu xin Sư dạy răn.

Sau, Sư trở về lại Dư Hàng, ở tại chùa Tây. Những vị trước kia cung lẳng giá, nay trông nhìn đạo phong nhuốm khí trọn cùng trốn lánh cho đến lúc qua đời. Sư nhân đó mà Giảng đạo nối nhau, kẻ tăng người tục thấy đều thán phục. Có Sa-môn Trí Tạng sau ra ở Võ huyệt, giảng luận Hoá thành. Sư sang xem nghe, thẳng thắn cật nạn qua nhiều ngày, khiến các khách liêu đều hưởng vui vẻ. Ngài Trí Tạng nói rằng: “Pháp Sư Pháp Khai nói luận đã nhiều, tự có thể đi!” Tôi muốn vào Văn.” Sư



bảo: “Đức Thích-ca Thế tôn giảng pháp, Phật Đa Bảo vọt lên hiện hình tháp. Pháp Sư Chỉ Nam răn dạy chúng đuổi khách là lý do tại sao?” Ngài Trí Tạng có vẻ hổ thẹn.

Đến niên hiệu Phổ Thông thứ tư (năm trăm hai mươi ba)- thời Nam Lương, Sư thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi.

**15/- Truyện ngài Thích Đạo Tông trụ chùa Ngõa quan ở Dương Đô.**

Thích Đạo Tông, không biết Sư họ gì. Sư là người xứ Giang Lăng thuộc Kinh Châu. Sư xuất gia rất sớm, trụ chùa Ngõa Quan. Tánh tình Sư chân chất thẳng thắn, chẳng việc đua tranh, tai chẳng vọng nghe lời chúc tụng, miệng không nói lời dua nịnh. Sư tu thân giữ mình thanh khiết, động tĩnh có độ lượng. Sư học qua các kinh, đều chẳng do thầy. Trọn ngày ở nơi nhà nghỉ vắng, chỉ vui cùng quyển bộ kinh sách mà thôi, thanh đàm cao luận, khiến người nghe quên cả mỗi mệt. Sư chỉ mặc áo quần thô xấu, ăn uống sơ sài tiết kiệm. Gặp năm đói kém vào trong thôn xóm chẳng ai cúng dường, Sư bèn theo hướng Nam đi đến Lãnh Biểu mở mang đại đạo. Sư tự thệ nguyện cho đến lúc chết luôn giữ việc dẫn dắt hoằng hóa không dừng nghỉ. Năm ngoài năm mươi tuổi, Sư thị tịch tại xứ ấy.

Lại có Sa-môn Pháp Sưởng ở chùa Diên Hiền. Thử thiếu thời, ngài nghiên cứu kính số, lúc trưởng thành lại thường giảng nói. Vào cuối đời Nam Tề có năm đói kém, Sư cố cùng quyết giữ tiết tháo thanh bần. Chuyên giữ việc, chẳng đua tranh tham lam chứa để đầu niên hiệu Thiên Giám (năm trăm lẻ hai) thời Hậu Lương, Sư theo hướng Tây đến Lục Hải rồi trở về hướng Đông đến Linh Sở. Sư rất có công mở mang Phật Pháp.

**16/- Truyện ngài Thích Pháp Trinh trụ chùa Quảng Đức ở Lạc Hạ:**

Thích Pháp Trinh, không biết Sư họ gì. Sư là người xứ Đông Quang thuộc Bột Hải. Năm chín tuổi Sư xuất gia, tiếng tăm thanh tú nơi Sư, chẳng phải như hàng phàm tình. Ngài trụ chùa Quảng Đức ở Lạc Hạ làm đệ tử sa-môn Đạo Ký. Năm mười một tuổi, Sư tụng thông rành Kinh Pháp Hoa. Trong ý nếu có chỗ không hiểu thì tùy mê lầm mà đến hỏi. Ngài Đạo Ký bảo Sư rằng: “Người nắm giữ ở tương lai, đó chính là ông!” đến lúc Sư trưởng thành lại Sư ngài siêu vượt cao kỳ. Ở tại Lạc Hạ không ai có thể lấn át. Sư nổi tiếng ngang hàng với Sa-môn Tăng

Kiến. Người đương thời cho rằng: “Ngài Tăng Kiến câu văn không hơn trước, còn Sư thì vào chỗ vi diệu bước riêng một mình!” Sư bèn cùng ngài Tăng Kiến kết bạn Nghĩa hội. Kể tăng, người tục đến nương tựa thọ học đông cả ngàn vị. Sư tùy có được các sự cúng dường bèn tu tạo cả ngàn tôn tượng mà bố thí cúng dường. Ngụy Thanh Hà Vương Nguyên Dịch, Nhữ Nam Vương Nguyên Duyệt đều mở đại đánh lễ thưa hỏi, và kính vâng sự dạy răn. Gặp lúc nhà Bắc Ngụy Đạo đức suy thoái, người nữ dẫn đầu, hủy luận ngày một lớn lao, nghi kỵ càng chứa nhóm, ganh ghét những bậc đức hạnh, thường cho là mình hơn, khó tránh khỏi ở đời nay. Sư bèn nói với Ngài Tăng Kiến rằng: “Triều đại (Nam) Lương là đất nước có lễ nghĩa, lại có Bồ-tát ứng hiện hành hoá Phong giáo, tuyên lưu đạo Pháp, Có nên cùng đến đó chăng? Nay tuổi đã trên sáu mươi, buổi sáng sớm nghe Đạo, chiều tối chết tôi cũng không hận!” Ngài Tăng Kiến nói rằng: “Thời gian không nên để luống mất, trước kia tôi cũng có hoài vọng đó!” Vào niên hiệu Phổ Thông thứ hai (năm trăm hai mươi một) thời Nam Lương, hai Ngài (Tăng Kiến, Pháp Trinh) cùng nhau tìm đến đất phương Nam xa thăm. Sư bị ruổi ngựa bắt kịp nên mang họa diệt thân, Sư thọ sáu mươi một tuổi!

Ngài Tăng Kiến vốn người đất Thanh Hà. Lúc còn là Sa-di. Sư là người thông minh tài giỏi, lúc thành người lại giỏi đàm nói Danh lý. Sư cùng các vị Tuệ Thông, Đạo Tịch, Pháp Trinh v.v.vv cùng học một thầy, tức sa-môn Đạo Ký. Lớn nhỏ cùng dắt dẫn nhau nghiên cứu Số Luận, bèn thấu suốt năm tụ, mở khắp một phương. Thường ngày giảng nói, thính chúng đông hơn ngàn người. Các bậc Thạc học thông suốt đều mừng vui sự thành đạt mới ấy. Sư đến các Pháp điền giảng nói thường liên tiếp đêm ngày. Tuy mục đích là dạy thành người nhưng lại vào làng giáo hóa hóa. Ngụy Cao Dương Vương Nguyên Ung cùng mời thỉnh, nhiều lần thân đêm đàm luận. Hoặc dùng tay áo khóa bít chỗ thấp hèn, hoặc sáng trong mừng gặp, không một ai bằng Sư. Sư liền bảo rằng: “Rất hận chẳng đồng đầu mới ấy!” Nên những người nghe Đạo phong Sư mà dốc lòng khát ngưỡng, xa kính phục Pháp vị.

Sau, Theo hướng Nam Sư đi đến Đế thất, tới dòng sông phía Nam chùa Hà Viên, Vua Võ Đế (Tiêu Diển) khéo luận nghĩa chỉ, ban sắc nhóm họp học tăng đến điện Lạc Thọ để thứ lớp lập nghĩa. Mỗi lúc Sư ở chùa giảng, thành giúp sự nghiệp sau vượt hơn trước. Ngài Tuệ Thông lập tâm nhân dự, giải hạnh vang xa. Ngài Đạo Tịch học rộng nghe nhiều truyền bá sự nghiệp của thầy. Các Ngài đều thị tịch tại đất Bắc Ngụy.

**17/- Truyện ngài Thích Bảo Uyên trụ chùa La Thiên Cung ở Ích Châu.**

Thích Bảo Uyên, họ Trần, Người ở xứ Lang Trung thuộc Ba Tây. Năm hai mươi ba tuổi, Sư đến thành đô xuất gia, trụ chùa La Thiên Cung, muốn học Luận Thành Thật, là người đứng đầu mở mang. Tại trong làng quận, thuật càn chẳng thoả ý bằng lòng.

Niên hiệu Kiến Võ thứ nhất (bốn trăm chín mươi bốn) thời Nam Tề, Sư xuống đô thành ở chùa Long Quang, theo Pháp sư Tăng Mân thọ học năm Tu. Trải qua mấy năm mà nghĩa lý rất nhập thần. Ngài Tăng Mân bảo: “Ông này có tánh tài tuần cảnh tỉnh, trí tuệ nghĩ suy vượt hơn người. Chỉ tiếc là hấp tấp chẳng thường, động tĩnh luôn hiểm nguy. Nếu gặp được người thông hiểu ưu đãi cùng tiếp nhận thì sẽ thành bậc Danh sĩ một đời. Nếu không gặp thời thì chẳng được chết, chắc chắn sẽ tổn nhục cho Đại Pháp!” Sư rất ưa thích Bồ phốc, khiến rượu cậy hơi, suốt ngày loay hoay không chỗ buông xuống. Ngài Tăng Mân phải nhiều lần can răn dẫn dụ, trở lại thành thù. Nhân đó Ngài (Bảo Uyên) đổi đường, lại đi theo Ngài Trí Tạng tìm tòi nghe nhận sự nghiệp trước, tự kiến lập giảng diên, của cải ban tặng khắp nơi. Ngài lại dốc sức cố gắng siêng năng gấp bội ngày thường. Sư từng bảo: “Bậc Đại Trưởng phu phải sai người phụng sự ta, làm sao ta hầu người dài lâu được?” Sư bèn soạn nghĩa số rộng ra. Quý Thị Vương đi đến Phương Nam, gói một sọt sách để gửi, Sư có ý như muốn trở về Tây. Đồng ở trong chùa có Sa-môn Tuệ Tế đùa cợt bảo Sư rằng: “Xưa kia, giòng họ Tạ một hòm xanh, chẳng đến chẳng được làm văn chương. Nay ông bụi trần chưa đến lại phán không giảng lý”. Sư bảo: “Khác, chẳng phải như. Đây mới là gậy đánh chó vậy.” Nhân đó, Sư mang pho sách trở về phương Tây, lại ở nơi chùa cũ, nêu định nghĩa phủ. Các hàng tăng tục kính phục. Từ đó Sư thường thiết lập pháp luận, thính chúng có đến mấy trăm. Sư tự trọng Danh hạnh, ít khách biết mình.

Có Sa-môn Trí huấn du học ở Kinh Hoa rất thông hiểu về Số Luận, đồng trở về Bồn nhưỡng, đến cùng phân giao. Sư không cho phép. Về sau, kho lẫm của chùa phạm phải luật quan. Sư tự ý mình danh tiếng vang cả một châu, vì vật mà nhường, Sư dùng thân mà thay, ngang bướng không thôi. Đến lúc sự việc hoàn thành, biết sẽ bị bại, nhân đó, Sư ra khỏi thành, đến giữa đường, dùng mũi nhọn tự đâm vào mình. Lúc đó Sư sáu mươi một tuổi, nhằm niên hiệu Phổ thông thứ bảy (năm trăm hai mươi sáu) thời Nam Lương.

Bấy giờ, ở Bồn Môn lại có các Sa-môn, Pháp Văn, Pháp Độ,

Pháp Hộ, Đạo Hưng v.v.. đều là những bậc học rộng mà nổi tiếng. Ngài Pháp Văn trong trắng liêm khiết khéo chuộng, rất có phong thái, Ngài Pháp Độ thông hiểu Đại thừa, trang nghiêm có khuôn phép. Ngài Pháp Hộ ngay thẳng thuần tín, chẳng giao thiệp việc đời. Ngài Đạo Hưng luôn giữ cõi lòng trong trắng chân chánh, hiếu nhân, phụng nghĩa. Các ngài đều hạ đô trụ ở chùa, chẳng rời lạc Học tông là chỗ thấy biết tôn sùng kính ngưỡng của các bậc Hùng Biện.

**18/- Truyện ngài Thích Tăng Tuân trụ chùa Trì Thành ở Dương Đô.**

Thích Tăng Tuân, họ Minh, là con của anh Thái tử Trung Thứ Sơn Tân. Năm mới vào Lễ, có lần Sư nghe Sơn Tân đàm luận với khách, tìm nhận qua lại hoàn toàn không để lọt mất. Sơn Tân vỗ vào đầu Sư bảo rằng: “Người mà ngày nay làm cho nhà ta chẳng đi xuống, đó chính là ông!” Cha của Sư kính vâng lời Bác của Sư nên rất kính tín Đại thừa, biết Sư thông minh tài tuấn có thể hy vọng tinh thần sâu sắc, lớn lên kham nhận cứu vượt biển ái sông mê.

Năm mười hai tuổi, Sư được lệnh cho xuất gia, làm đệ tử Luật Sư Tăng Biện chùa Phụng Thành. Ngài Tăng Biện tánh tình liêm khiết thẳng thắn, giới phẩm thanh tịnh trang nghiêm, khéo nhân trọng tín, tinh tấn siêng năng, thường giảng Luật Thập Tụng.

Sau, Sư đến ở chùa Trì Thành, giữ gìn tiết tháo cao thượng, cố gắng ham học. Sư theo Sa-môn Pháp Vân trụ chùa Quang Trạch cầu thừa hỏi kinh luận. Khắp chốn Già-lam không làm các tạp sự. Các bậc Danh đức đương thời đều ngợi Sư. Điều gì Sư nghe qua tai thì chẳng quên, nhìn qua mắt liền ghi nhớ, thường hay giải đáp như nước bình này rót qua bình khác. Người đương thời mừng sự biện giải thanh rành của Sư. Các hàng tăng tục lại mến trọng sự không nhọc mệt của Sư. Mọi điều thấy nghe, Sư đều ghi chú. Tuy không tài lớn mà tổ chức việc làm sâu cùng. Các bạn bè đồng học không ai chẳng ghi truyền.

Đến niên hiệu Thiên giám thứ mười sáu (năm trăm mười bảy) thời Nam lương, Sư thị tịch, thọ ba mươi lăm tuổi.

Bấy giờ, lại có các Sa-môn Đạo Toại, Đạo Tiêu, đều là người xứ Hải Lăng, đồng theo Sa-môn Pháp Vân để thọ học. Kinh luận đều nghe, đều có thứ lớp.

**19/- Truyện ngài Thích Tuệ Siêu ở chùa Linh Căn ở Dương Đô.**

Thích Tuệ Siêu, họ Vương, người ở xứ Thái Nguyên. Dưới thời

biến loạn của Vĩnh Gia nên gia đình Sư dời đến ngụ ở Tương Dương.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia tại chùa Đàm Khê, làm đệ tử Sa-môn Tuệ Cảnh. Ngài Tuệ Cảnh thanh thản bình giản, rất có khí cục. Đầu niên hiệu Phổ thông (năm trăm hai mươi) thời Nam Lương, Ngài Tuệ Cảnh làm Tổng Châu Tăng Chánh, do sự tiết kiệm mà nổi tiếng. Sư tuy bé nhỏ mà trong sáng, cử chỉ rõ ràng dễ mến, tiến lùi hợp độ. Sư thờ ngài Tuệ Cảnh một năm, vì chúng rất phức tạp nên Sư xin dời thiền phòng, đến nương tựa Thiền sư Tăng Tông tập học Định Nghiệp. Năm mười hai tuổi, Sư lại theo Ngài Tăng thọ cùng ở chung chùa học thông Tam Huyền. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh Minh (bốn trăm tám mươi ba- bốn trăm chín mươi bốn) thời Nam Tề, Cảnh Lăng Vương thỉnh Pháp Sư Trí Tú cùng các Học sĩ tùy phương giảng pháp truyền trao theo hướng Tây đến Phần Đẳng. Sư nhờ thọ học, đồng thời hợp Pháp tịch đều cùng đượm nhuần lãnh hội. Sư theo Pháp sư trí Tú trở về lại thánh đô trụ chùa Linh Căn. Và bèn xin thọ giới cụ túc với ngài Pháp Thường. Tụng giới chưa tròn hai ngày, nghe luật chưa xong hai biến mà đều biết văn hiểu nghĩa, sáng soi đến tận sự nhỏ nhiệm. Sư vâng thừa sự chỉ dạy của thầy, không hổ thẹn. Đến lúc thầy thị tịch, sau đó Sư lại theo nương tựa Sa-môn Trí Tạng tham tìm tập học kinh luận. Ngài Trí Tạng bảo rằng: “Ông này tú phát, sẽ thành pháp khí tốt!” Hễ những nơi nào Ngài Trí Tạng đến, Sư đều được cùng theo. Sư thông rành các bộ, tiếng tăm vang khắp kinh ấp. Sau đó, Sư lại theo Luật sư Tuệ Tập thọ học Tỳ-ni, vừa mới được vài biến, ngài Tuệ Tập ngợi khen rằng: “Chẳng thể gọi là mới học mà đã thành băng giá so với nước!”

Sau, Sư trở về quê hương định tỉnh, khắp nơi đều nhớ tưởng. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc mời Sư trở lại làm Thọ Quang Học Sĩ. Lại ban sắc cho sa-môn Tăng-già-Bà-la ở chùa Chánh Quán truyền dịch Kinh A-dục Vương, và nhờ Sư ghi chép. Sư chia thành mười quyển, mà Sư ẩn vui đức hạnh mình đề đạt đến người, chẳng chuyên khoe khoang công khó của mình. Nên hễ có câu thỉnh thì Sư thường suy đặt ở các bậc cự đức. Về sau, ngài Trí Tạng bảo Sư thay thế để giảng thuyết nhưng Sư cố từ chối, chẳng chịu đảm đương. Hoặc gặp các bậc Hiền giả luận bàn sâu rộng, Sư đều tham dự biện giải thông bát. Còn như chống đối các người vấn nạn trước thì Sư biết lý sắp cùng mà chùng xuống. Hoặc gặp khi cơ hỏng cũng nên đuổi theo mà im lặng. Nhưng kia cũng bảm nhận biết đồng chỗ an và chẳng an, mà Sư hay nhún nhường chùng xuống như vậy. Thức ăn áo mặc Sư luôn đem cứu giúp. Các hàng giàu sang thỉnh mời mà Sư không chứa để riêng. An Thành Khương Vương

Tiêu Nhã Tú khâm phục kính trọng giới đức của Sư, ra đất Phần cần thỉnh cùng dẫn Sư đến nơi trấn nhậm. Ngài giảng nói Đạo phong tỏa khắp, xa gần đều đượm nhuần, ngợi khen tán thán. An Thành Khương Vương qua đời, Ngô Bình Hậu Tiêu Bính đến Hạ Khẩu, Sư lại chịu cùng đi, pháp diên lại phô bày, người học xưng tán ngợi ca. rồi Sư trở lại thành đô tiếp tục giảng nói, đồng bạn thính chúng cùng nhau tìm đến có hơn hai trăm vị tăng, suốt bốn mùa tu tập đạo nghiệp.

Đến niên hiệu Phổ Thông thứ bảy (năm trăm hai mươi sáu) thời Nam Lương, Sư thị tịch, lúc đó Sư mới năm mươi hai tuổi.

### ***20/- Truyện ngài Thích Chân Ngọc trụ chùa Thiên Bình ở Ng- hiệp Trung***

Thích Chân Ngọc họ Đồng, người ở xứ Ích Đô thuộc Thanh Châu. Lúc vừa mới sinh, Sư không có mắt, mẹ của Sư rất buồn thương! Năm Sư bảy tuổi, Bà dạy cho Sư tập học đàn sáo, đàn cầm, cho đó là phương kế cuối cùng, mà bẩm tánh Sư tài giỏi, thông minh, hiểu xét như kinh, chưa đầy mười ngày, Sư đã thấu suốt âm khúc. Sau, trong xóm ấp nhóm họp đông đúc thiết lập trai hội giảng pháp, mẹ của Sư dẫn Sư đến dự pháp hội, chỉ một lần nghe qua, Sư mừng vui nhận biết mà nói rằng: “Nếu thường được dự nghe, cuối cùng sẽ thành Pháp Sư chẳng lo sợ nghèo đói!” Mẹ của Sư nghe thế, Bà muốn Sư thành đạt nghiệp lớn ấy, bèn bỏ hết việc nhà, chuyên dẫn Sư đi nghe giảng, chẳng kể gió mưa khó khổ, chỉ cầu mong nối nhau. Ngài bao gồm lược từ chỉ, khí nhiếp đang nhảy bén. Sắp đến tuổi tráng niên mà tiếng tăm đã rung chuyển cả núi sông.

Sau, gặp lúc phải chịu tang mẹ, Sư bèn xả pháp phục trở về nhà, làm chòi bên cạnh mộ, buồn bã quá lẽ, rau trái dâng cúng thanh trai, nép mình xuống đất, gìn giữ tiết tháo, suốt ba năm ngủ ngoài đồng hoang. Bà con làng xóm rất quý trọng. Sau khi mãn tang, Sư nương tựa Đạo, tu chính nghiệp trước, xem sách liên giảng, không hề vướng mắc, đồng bạn dự nghe lần lượt cùng quy hướng.

Vào niên hiệu Thiên Bảo (năm trăm năm mươi – năm trăm sáu mươi) thời Bắc Tề, Văn Tuyên Hoàng Đế (Cao Dương) mở mang giảng tịch, các hàng già trẻ khắp trong nước đều nhóm họp về chùa Thiên Bình. Khi ấy, các hàng nghĩa học như Tinh La chen nhau cùng đến. Sư riêng nêu xưng thủ lên tòa bàn nói đầu mối, không ai chẳng quy tông. Hết Đế cùng thân, khai phát sáng rõ. Các bậc lão niên tiên đạt thấy đều cúi đầu kính ngưỡng, bèn khiến các hàng tăng tục chạy rảo theo rớt

chén cù mà chẳng cạn. Một lần qua lại riêng trải qua mười năm, nghe tiếng Sư liền nhớ được danh nghĩa. Ấy là công phu của tổng trì chẳng còn được ưa chuộng. Thường thường đồ Chúng học sĩ có đến trăm ngàn người. Tai nghe đi ngang qua, Sư liền rõ biết được tâm tánh. Sư răn dạy sự siêng năng còn lớn hơn các triết khác.

Từ khi sinh ra về sau, Sư kết lập thế nguyện khi qua đời sẽ sinh về An dưỡng. Sư thường bảo thị giả đọc tụng kinh, còn chính mình quỳ hoặc ngồi chấp tay mà nghe. Bỗng nghe trong kinh có câu: “Ở phương Đông có cõi nước Phật Tịnh Liên Hoa, thế giới trang nghiêm, so với cõi kia (cực lạc) chẳng khác”. Sư bèn suy nghĩ sâu xa rằng: “Tịnh Độ của các Đức Phật đâu hạn cục mền kính mộ phương Đông, lấy đó mà giữ tâm khó thành hồi hướng!” Nhân đó, Sư liền phát nguyện sinh về cõi Phật Liên Hoa. Sớm tối siêng năng đến thế nguyện. Sau đó không lâu, thân không bệnh tật gì, mà Sư đến sau trao cho các đệ tử những thứ y phục, kỷ trượng, phát trần, chuỗi châu như ý, phân bộ Di Cáo mỗi thứ có sai khác. Ban đầu, Đại chúng không nhận biết được điều gì, đều cùng nhau lấy làm lạ. Sư bảo: “Nguyện cùng chuyển vận khắp trong đời chẳng có thể vui. Các ông cùng giúp tôi xưng niệm danh hiệu Phật Liên Hoa, khiến tôi được sinh về cõi nước ấy!” Sau khi Bồ-tát, Sư bị bệnh tại nhà Hộ Vương ở phía Bắc Nghiệp Thành, thần khí không mê mờ, âm thanh tướng mạo vẫn như thường. Các vị Đại đức khắp kinh đô đều đến thăm hỏi bệnh. Sau giờ Ngọ, bỗng nhiên thấy khói mây từ hướng Đông nhóm lại, mùi hương thơm khác lạ lan tỏa khắp đầy cả sân nhà. Giữa hư không vang vọng âm thanh như âm hưởng của tán vịnh, trong sáng rõ ràng. Ngay lúc bấy giờ, chân Sư dần dần lạnh lên mà miệng vẫn còn niệm tụng. Chỉ thời gian ngắn thì Sư thị tịch.

Sau mười ngày Sư thị tịch, mùi hương mới hết, Đại chúng buồn thương kính ngưỡng như đến rừng Sa-la. Con cháu giòng họ Vương đều chế tang phục cùng các môn nhân đệ tử Sư, đón rước nhục thân Sư mà an táng.

### ***21/- Truyện Sa môn Thích Tăng Thiên là Đại Tăng Chánh ở Kinh Châu.***

Thích Tăng Thiên họ Nghiêm, người ở Quận Ngô. Hiếu Kính sớm tỏ sáng. Thị Trung Vương Tích trông thấy mà kính lạ. Sư chỉ một mặt Định giao, kính thờ Pháp Sư Đạo Tắc chùa Linh Diệu ở Chung Sơn. Ngài Đạo Tắc cũng quyền hành ngoài tỏ sáng mà cùng rất suy trọng Sư.

Sau Sư vân du khắp các trường giảng, Túng Biện Thiên Thùy từng cất nạn nghĩa Thiên Phẩm của Chiêu Đề Tuệ Diêm. Tinh nghĩa tư duy lưu xuất, khắp trong tòa đều khen ngợi. Chiêu Đề nhân đó sửa đổi làm mới lại Chương Cú. Lương Cao có ban sắc ở điện Hưng Thiện nghĩa tập, Sư bước lên liền biện luận bén nhọn như nước chảy. Vua rất mừng vui, bèn xuống giữ lễ kính Sư như là Gia Tăng. Vua ban chế soạn kinh Thắng-man nghĩa số, ban phát ở điện Thọ Quang, Chư tăng đều có tâm tự xấu hổ. Sư thấu cùng hang Lý. Vua đặc ban chiếu trình bày. Hoàng Trữ Thượng thư lệnh Hà Kính Dung được thỉnh cùng đối luận. Kẻ tăng người tục mừng vui với thời luận đề ấy. Trung Hưng Kinh Nghiệp, Chánh vị Tăng Đoàn, nhậm chức vào tháng giêng, Đạo Phong trùm khắp, chắc chắn bầy chúng chẳng cung kính mà thành. Xưa kia, vào đời Tấn mới đặt ra Tăng y. mãi đến nay trải qua bốn đời, tìm cầu nghiệp hoàn bị mà ít được như ngày nay. Sau khi tìm tòi u cầu, kinh cáo bàn kết đều như cầm như mù, dựng lại sự phế bỏ, vui vẻ theo chánh.

Đến ngày mười bảy tháng tư niên hiệu Thiên Bảo thứ mười hai (năm trăm bảy mươi ba) thời Hậu Lương, Sư thị tịch tại tinh xá Đại Bảo, thọ bảy mươi chín tuổi. Đến ngày hai mươi an táng tại phía Bắc núi Trung Hoa ở Giang Lăng.

Lúc xưa, vào thời niên thiếu, Sư hiểu kính tự nhiên, gia đình nghèo khó, cha mẹ già yếu nên sự nuôi dưỡng các thức ngon có khi thiếu sót. Về sau, khi danh đức Sư đã lập nên thì Sư cung phụng các thức béo tốt kính dâng đầy đủ. Cho đến lúc chịu tang Sư buồn lo đến gần chết. Năm mới hai mươi tuổi, Sư tụng Kinh Pháp Hoa đã hơn sáu ngàn biến. Ngồi mà dường như ngủ, đích thân trông thấy Bồ-tát Phổ Hiền, có hương thơm được sáng chiếu soi, Bồ-tát đến xoa đánh đầu Sư. Viết mà chẳng truyền. Chỉ có Đại tiệp, Sư mới tỏ bày cùng các bạn đồng ý chí. Sư giảng tất cả mười tám Bộ Kinh như Niết-bàn, Đại Phẩm v.v.... Mỗi bộ đều đến mười biến, và đều có soạn nghĩa số lưu truyền cho hàng hậu học, Đẳng giác là Pháp danh của Vua Minh Đế (Tiêu Quy năm trăm sáu mươi hai-năm trăm tám mươi sáu) thời Hậu Lương. Nên tự nói rằng: “Chọn mặt quy y lúc ngoài ba mươi tuổi. Ôm kinh hỏi đạo khi tuổi mới mười ba, cuối cùng biết được khổ không, công do khéo dẫn dắt, hướng gì ruộng phước năm đời, thầy trò hai thế hệ, nhân đã dày mà nghĩa cũng sâu!” Bèn khắc văn bia nơi tháp, thuật lại đức hạnh của Sư ở dưới.